

MỤC LỤC

Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	7
1.1. Tên chủ cơ sở	7
1.2. Tên dự án đầu tư.....	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	9
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	10
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	20
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	20
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	24
1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án:.....	24
1.5.2. Máy móc thiết bị.	25
1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:.....	26
Chương II	27
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	27
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	27
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	27
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	31
Chương III.....	33
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	33
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
3.1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	33
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	33

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: Dự án đang hoạt động ổn định, quá trình hoạt động phát sinh nước thải sinh hoạt và sản xuất.....	34
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	37
3.2.1. Nguồn phát sinh và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí như sau:	37
3.2.2. Các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án thuộc đối tượng xin cấp Giấy phép môi trường như sau:.....	38
3.2.3. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	41
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	43
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	44
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung	46
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	47
3.7. Các nội dung thay đổi so với nội dung đề án bảo vệ môi trường của dự án.....	53
Chương IV.....	56
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	56
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	56
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	57
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	58
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):.....	59
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):	59
4.6. Nội dung về quản lý chất thải:	59
CHƯƠNG V.....	63
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC.....	63
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	63
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	63
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	65
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	66
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	67
Chương VI	68
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	68
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	68
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	68
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	68
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	69
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	69
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	70
Chương VII	71
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	71
PHỤ LỤC BÁO CÁO	73

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

KCN	:	Khu công nghiệp
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
BTCT	:	Bê tông cốt thép
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
COD	:	Nhu cầu oxi hóa học
BOD ₅	:	Nhu cầu oxi sinh học
DO	:	Hàm lượng oxi hòa tan
SS	:	Chất rắn lơ lửng
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới
NXB	:	Nhà xuất bản
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Bảng kê tọa độ ranh giới quy hoạch	8
Bảng 1. 2: Bảng nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất của dự án	20
Bảng 1. 3: Dự báo nhu cầu sử dụng điện và nước của dự án (tính cho ngày sử dụng lớn nhất).....	23
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi	40
Bảng 3. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh	43
Bảng 3. 3. Danh mục, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	45
Bảng 3. 4. Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn và độ rung.....	46
Bảng 3. 5: Bảng các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường	53
Bảng 4. 1: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải và giới hạn nồng độ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN.....	56
Bảng 4. 2: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm xả thải vào môi trường	57
Bảng 4. 3: Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn	59
Bảng 4. 4: Bảng giá trị giới hạn cho phép của độ rung.....	59
Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023	64
Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024	64
Bảng 5. 3: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2023	65
Bảng 5. 4: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2024	65
Bảng 5. 5. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2023	66
Bảng 5. 6. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2024	66

Bảng 6. 1: Bảng tổng hợp thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.....	68
--	----

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí khu đất thực hiện dự án trong KCN Dệt may Phố Nối	8
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất hàng may mặc không nhuộm tại dự án.....	11
Hình 1. 3 . Sơ đồ công nghệ Quy trình giặt mài, phun màu quần áo Jean.....	13
Hình 3. 1. Sơ đồ phương án thu gom và thoát nước mưa chảy tràn của dự án.....	33
Hình 3. 2. Sơ đồ phân luồng dòng thải và hướng xử lý	35
Hình 3. 3. Hình ảnh bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt	36
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi	39

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ cơ sở

Công ty TNHH xuất nhập Khẩu TOP Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: Lô L3, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Nay là Lô L3, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 02213 589 417 ; Fax:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hải Nghĩa

+ Sinh ngày: 02/5/1981 Quốc tịch: Việt Nam

+ Căn cước công dân: 033081004890, do Cục cảnh sát QLHX về TTXH cấp ngày: 13/02/2022

+ Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Sơn, xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

+ Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Sơn, xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

+ Chức vụ: Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901027617 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên, cấp lần đầu ngày 18/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 9 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2000766626 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/6/2019.

1.2. Tên dự án đầu tư

*** Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam**

*** Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:**

- Địa chỉ: Lô L3, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Nay là Lô L3, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên

- Tổng diện tích đất sử dụng: 4.525 m²

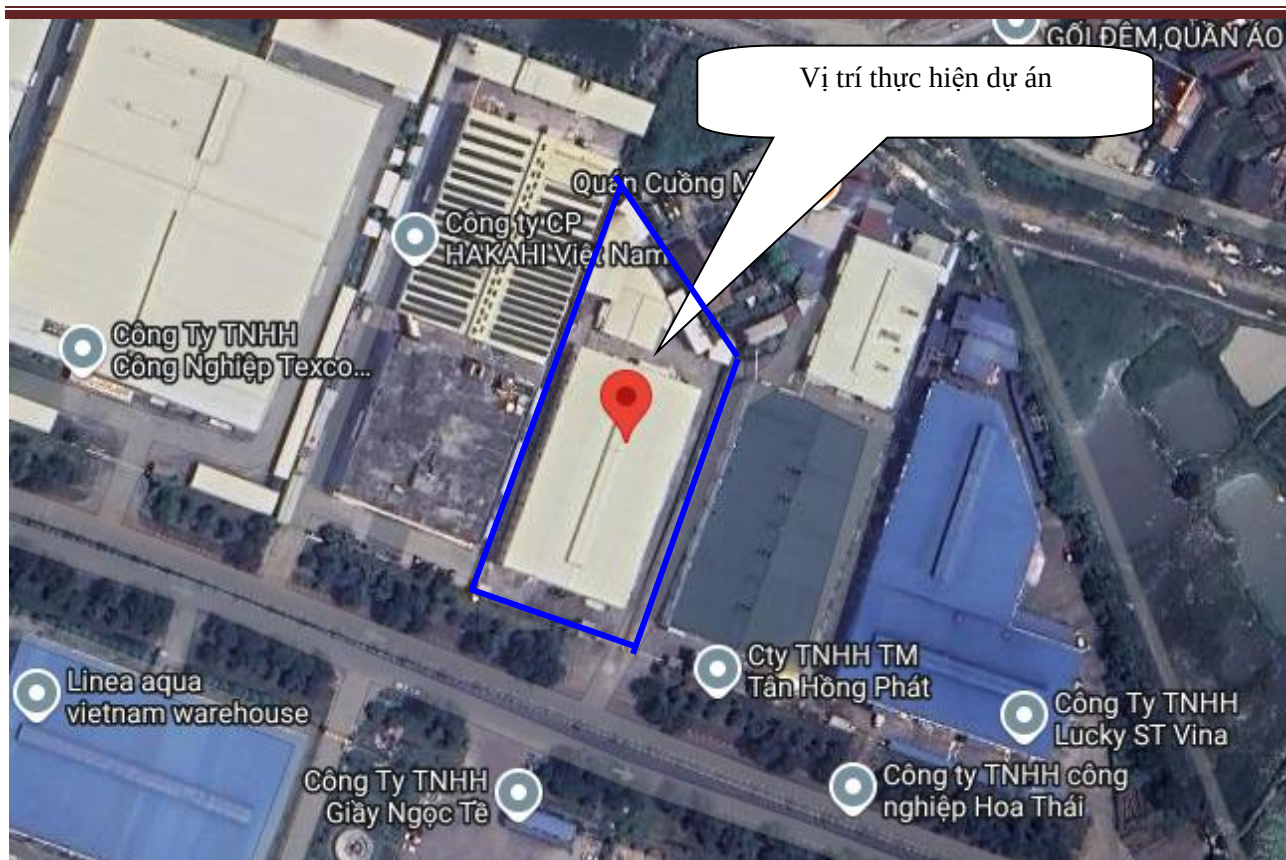
- Vị trí tiếp giáp của khu đất thực hiện dự án như sau:

+ Phía Nam: Giáp đường nội bộ của KCN;

+ Phía Đông: Giáp Công ty Cổ phần Huy Phát Hưng Yên

+ Phía Tây: Công ty Cổ phần Hakahi Việt Nam

+ Phía Bắc: Giáp Nhà máy nước Dị Sử



Hình 1. 1. Vị trí khu đất thực hiện dự án trong KCN Dệt may Phố Nối

- Vị trí tọa độ ranh giới lô đất thực hiện dự án: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° như sau:

Bảng 1. 1: Bảng kê tọa độ ranh giới quy hoạch

Điểm mốc	Tọa độ điểm	
	X (m)	Y (m)
1	2314314,388	560062,416
2	2314421,712	560101,521
3	2314379,560	560128,060
4	2314383,685	560136,962
	2314298,530	560105,938

Sơ đồ vị trí, mặt bằng tổng thể của khu đất thực hiện dự án đính kèm phần phụ lục của báo cáo

* **Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng các công trình của dự án:** Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên

* **Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:** UBND tỉnh Hưng Yên.

Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

*** Quy mô của dự án đầu tư:** Theo nội dung đăng ký đầu tư, dự án thực hiện với mục tiêu "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc không nhuộm; giặt mài, nhuộm quần áo; cho thuê nhà xưởng, văn phòng". Quy mô công suất: Sản xuất và gia công hàng may mặc không nhuộm: 1.000.000 Sản phẩm/năm; Giặt mài, nhuộm quần áo: 800.000 sản phẩm/năm; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng: 2.500 m². Quá trình sản xuất với mục tiêu "Giặt mài, nhuộm quần áo" của dự án có công đoạn giặt, mài, nhuộm với công suất tối đa 800.000 sản phẩm/năm tương đương khoảng 500 tấn/năm. Quy mô tổng mức vốn đầu tư là 35.000.000.000 (ba mươi lăm tỷ) đồng.

- Theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024: Dự án thuộc nhóm C.
- Đối chiếu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ thì dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ (có công đoạn giặt, mài, nhuộm với quy mô công suất tối đa 500 tấn/năm);
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định: Dự án thuộc phường Dị Sử thị xã Mỹ Hào do đó dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường.
- Loại hình sản xuất kinh doanh: may mặc
- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án có tiêu chí môi trường thuộc dự án nhóm II (có số thứ tự 2, mục I, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019. Quá trình hoạt động từ năm 2019 đến nay chủ dự án không thay đổi điều chỉnh quy mô công suất, công nghệ của dự án. Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hưng Yên cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

*** Mục tiêu của dự án theo đăng ký:** Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc không nhuộm; giặt mài, nhuộm quần áo; cho thuê nhà xưởng, văn phòng

*** Công suất của dự án theo đăng ký:**

- Sản xuất và gia công hàng may mặc không nhuộm: 1.000.000 Sản phẩm/năm;
- Giặt mài, nhuộm quần áo: 800.000 sản phẩm/năm;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng: 2.500 m²

*** Việc triển khai thực hiện dự án như sau:**

- Với mục tiêu sản xuất, gia công hàng may mặc không nhuộm; giặt mài, nhuộm quần áo: Dự án đã đầu tư, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và đi vào hoạt động sản xuất từ năm 2018.

- Mục tiêu cho thuê nhà xưởng: thời điểm lập báo cáo chủ dự án chưa cho thuê. Thời điểm trước công ty có cho Công ty TNHH Đầu tư và xuất nhập khẩu AAB thuê nhà xưởng tại tầng 1 và 2 để hoạt động sản xuất gia công hàng may mặc không nhuộm, giặt mài, nhuộm quần áo. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Top Việt Nam đã thanh lý Hợp đồng thuê nhà xưởng đối với Công ty TNHH Đầu tư và xuất nhập khẩu AAB tại hợp đồng số 0106/2025/TLHĐ/TOP-AAB từ ngày 02/6/2025. Từ đó đến nay đơn vị thuê xưởng đã dừng sản xuất.

*** Việc thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường của Công ty:** Chủ dự án đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án, đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019.

Công ty chưa được cơ quan chức năng xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án cũng chưa được cơ quan có chức năng cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Nguyên nhân việc thực hiện chưa đầy đủ thủ tục hành chính về môi trường do cán bộ của công ty chủ quan, không tìm hiểu đầy đủ quy định về bảo vệ môi trường dẫn đến chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan. Ngoài ra do tình hình sản xuất của công ty gặp nhiều khó khăn, có những định hướng chuyển đổi sản xuất dẫn đến chưa thực hiện các thủ tục môi trường kịp thời.

*** Phạm vi đánh giá và xin cấp phép trong báo cáo:** Toàn bộ dự án

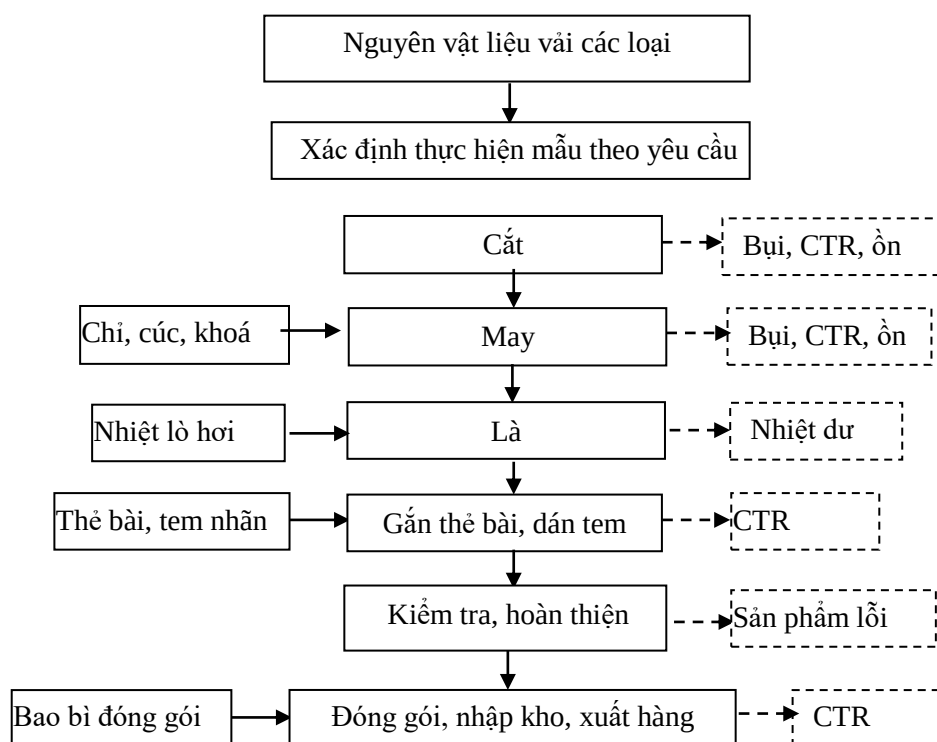
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a. Sản phẩm của dự án:

Sản phẩm của dự án là Hàng may mặc không nhuộm, quần áo Jean có sau khi giặt mài, phun màu tùy theo yêu cầu của đơn hàng; văn phòng, nhà xưởng sản xuất cho thuê.

b. Quy trình sản xuất hàng may mặc không nhuộm tại dự án:

* Quy trình sản xuất như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất hàng may mặc không nhuộm tại dự án

** Thuyết minh*

- Nguyên vật liệu chính tại dự án là vải các loại tùy theo yêu cầu của đơn hàng; ngoài ra có các phụ liệu như cúc, khoá, chỉ..... Các nguyên vật liệu nhập về nhà máy, được công nhân kiểm tra kỹ lưỡng về số lượng, chủng loại nguyên vật liệu theo yêu cầu. Những lô nguyên vật liệu không đảm bảo chủng loại, số lượng được Công ty trả lại nhà cung cấp, những lô nguyên vật liệu đảm bảo được công nhân chuyển về khu vực bảo quản để chuẩn bị cho quá trình sản xuất tiếp theo.

- Xác định, thực hiện mẫu mã theo yêu cầu: Xác định mẫu mã sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, lên kế hoạch sản xuất và chuẩn bị các loại nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Từ thông số kỹ thuật của sản phẩm, cán bộ công nhân tiến hành kiểm tra, đo đạc vải và chế tạo các chi tiết mẫu cấu thành lên sản phẩm để chuẩn bị cho quá trình cắt.

Công đoạn sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi nguyên liệu và các chất thải rắn như: bao bì, giấy vụn, vải vụn.

- Công đoạn Cắt: Tại đây các chi tiết mẫu cấu thành lên sản phẩm được gắn lên trên bề mặt tấm vải, máy cắt tự động sẽ tiến hành cắt vải theo đúng hình dạng, kích thước của chi tiết mẫu cấu thành lên sản phẩm. Công đoạn sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi và chất thải rắn như vụn vải.

- Công đoạn may: Tại công đoạn này, chủ dự án sẽ bố trí công nhân theo dây chuyền may ghép các chi tiết lại với nhau để tạo thành hình dạng sản phẩm. Đồng

thời cúc và khoá được may gắn vào sản phẩm để tạo thành hình dạng hoàn chỉnh của sản phẩm theo yêu cầu.

Công đoạn sẽ phát sinh bụi, tiếng ồn và các chất thải rắn thông thường như lõi cuộn chỉ.

- Công đoạn Là: Tất cả các sản phẩm đã được kiểm tra sau khi may đạt yêu cầu đều được chuyển qua công đoạn là. Tại dự án công nhân sử dụng bàn là hơi nước để là phẳng sản phẩm. Hơi nóng được lấy từ lò hơi.

Tại dự án sử dụng 01 lò hơi 04 tấn/giờ để cung cấp hơi nóng cho các quá trình sử dụng hơi nóng trong quy trình sản xuất của dự án. Lượng nước cấp sử dụng cho nồi hơi vào khoảng 4 m³/giờ sử dụng. Khi dự án hoạt động hết công suất nồi hơi chạy khoảng 5 tiếng/ngày. Lượng nước sử dụng khoảng 20 m³/ngày.

Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là củi hoặc mùn cưa ép tùy thời điểm (do nguồn nhiên liệu cung ứng trên thị trường). Khi đốt nhiên liệu, nhiệt từ quá trình sẽ làm cho nước trong nồi hơi sôi và bay hơi, lượng hơi này sẽ được dẫn sử dụng cho các công đoạn là, sấy trong quy trình sản xuất. Hệ thống cấp hơi của dự án là tuần hoàn khép kín, khi nhà nhiệt nguội thì hơi sẽ ngưng tụ lại thành nước và chảy lại vào bể chứa nước để tiếp tục cấp lại cho nồi hơi.

Quá trình đốt nhiên liệu cấp nhiệt cho lò hơi cũng sẽ làm phát sinh một lượng bụi, xỉ lò và khí thải lò hơi. Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tối đa những tác động này đến môi trường và sức khỏe người lao động.

- Công đoạn gắn thẻ bài, dán tem: Sản phẩm sau là được công nhân gắn thẻ, tem nhãn lên sản phẩm. Thẻ, tem nhãn được nhập về dự án đảm bảo thông theo yêu cầu của sản phẩm.

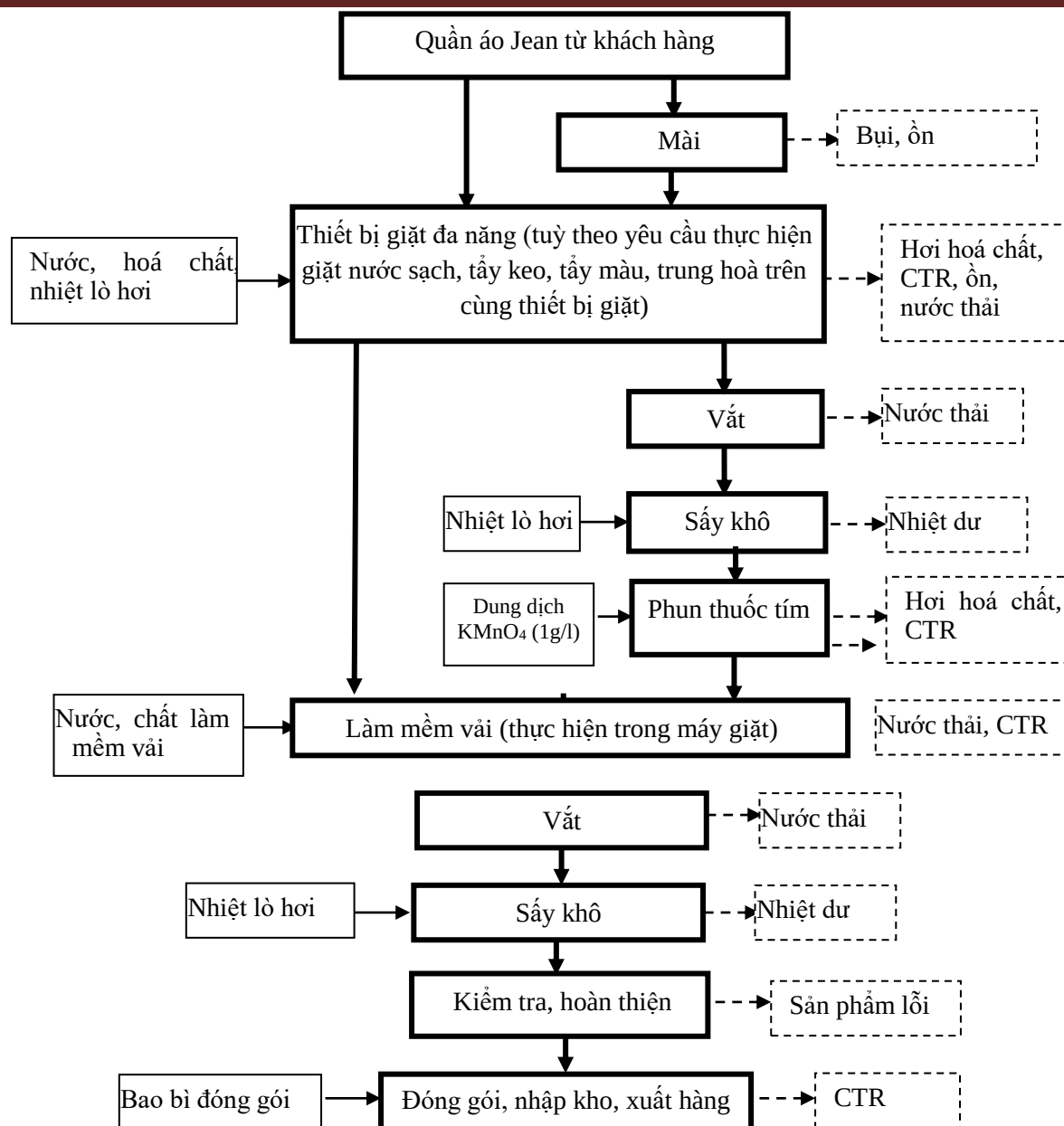
- Công đoạn kiểm tra, hoàn thiện: Sau gắn tem, thẻ bài, sản phẩm được chuyển đến công đoạn kiểm tra. Tại bộ phận này, nhân viên KCS tiến hành kiểm tra sản phẩm theo yêu cầu; đồng thời cho sản phẩm qua máy dò kim để loại bỏ kim gãy bám dính trên sản phẩm. Sản phẩm lỗi có thể chỉnh sửa sẽ được quay vòng lại để chỉnh sửa (may là...). Sản phẩm lỗi nặng (vải bị rách, không đúng yêu cầu...), không thể chỉnh sửa được vận chuyển về khu lưu giữ chất thải của dự án. Sản phẩm đạt yêu cầu được treo lên móc hoặc gấp tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- Công đoạn đóng gói, nhập kho: Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói để đảm bảo sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã đóng gói được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng.

Quá trình này có thể làm phát sinh bụi với nồng độ rất nhỏ, bao gói đựng sản phẩm, thùng carton.

c. Quy trình giặt mài, phun màu quần áo Ilean tại dự án:

* Quy trình sản xuất như sau:



Hình 1.3 . Sơ đồ công nghệ Quy trình giặt mài, phun màu quần áo Jean

** Thuyết minh*

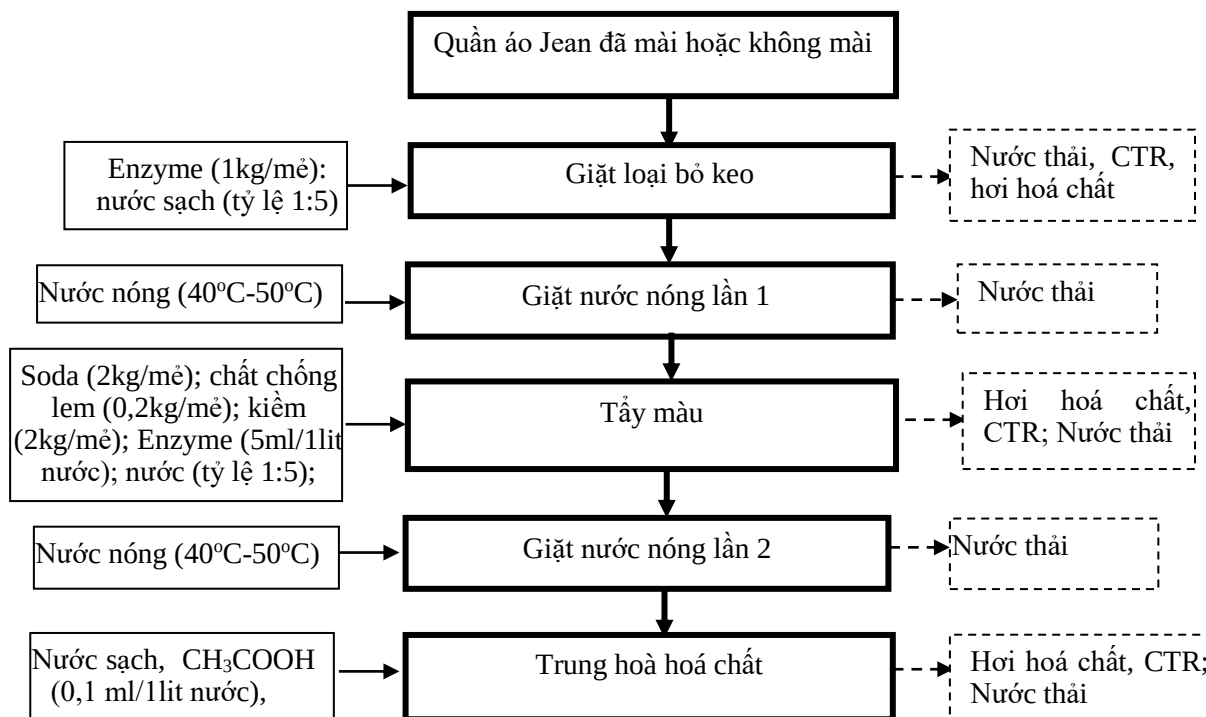
- Nguyên vật liệu là quần áo Iean; ngoài ra có các phụ liệu như hoá chất bao bì đóng gói..... Các nguyên vật liệu nhập về nhà máy, được công nhân kiểm tra kỹ lưỡng về số lượng, chủng loại theo yêu cầu. Nguyên vật liệu không đảm bảo được Công ty trả lại nhà cung cấp, những lô nguyên vật liệu đảm bảo được công nhân chuyển về khu vực bảo quản để chuẩn bị cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Tuỳ theo yêu cầu của đơn hàng, quần áo được chuyển đến các công đoạn phù hợp như mài (nếu yêu cầu mài), giặt (nếu yêu cầu chỉ giặt không mài).

- Công đoạn mài: sản phẩm yêu cầu mài được đưa đến khu vực mài. Tỷ lệ sản phẩm qua công đoạn mài chiếm 20% so với công suất đăng ký; chỉ thực hiện mài tại một số vị trí yêu cầu. Tại dự án sử dụng biện pháp mài thủ công do quần áo chỉ mài

một số vị trí theo yêu cầu. Chủ dự án bố trí khu vực thực hiện công đoạn mài, công nhân sử dụng các dụng cụ mài (giấy nhám...) mài lên vị trí yêu cầu. Công đoạn sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi tại vị trí công nhân thực hiện mài..

- Thiết bị giặt đa năng: quần áo sau mài, quần áo không yêu cầu mài được đưa đến máy giặt đa năng. Tùy theo yêu cầu của đơn hàng thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trên cùng thiết bị giặt (quần áo chỉ giặt nước nóng; quần áo có thể chỉ tẩy keo sau đó giặt nước nóng; quần áo thực hiện đầy đủ các công đoạn). Với đơn hàng thực hiện đầy đủ các công đoạn thì quy trình thực hiện như sau:



+ Công đoạn loại bỏ chất keo: quần áo đưa vào máy giặt; nước được cho vào máy với tỷ lệ 1kg quần áo : 5 lít nước; Cài đặt thông số cho máy và giặt trong vòng 15 phút ở nhiệt độ thường. Sau đó, bổ sung enzyme theo tỷ lệ; Nhiệt từ lò hơi được cấp vào nước trong máy giặt duy trì ở nhiệt độ 60°C và tiến hành giặt tiếp trong 20 phút. Sau khi giặt xong, xả nước để thực hiện bước tiếp theo. Nước thải theo đường ống dẫn về bể điều tiết của dự án.

+ Công đoạn giặt bằng nước nóng: Sau khi loại bỏ nước thải khô loại bỏ keo, tiếp tục cho nước sạch vào máy để giặt quần áo nhằm loại bỏ các tạp chất, hoá chất còn lại. Lúc này nhiệt từ lò hơi được cấp vào nước trong máy giặt duy trì ở nhiệt độ 40-50°C trong 5 phút; việc giặt trong nước nóng giúp loại bỏ hết những hóa chất còn sót lại ở công đoạn trước trong sản phẩm. Sau khi giặt xong, xả nước để thực hiện bước tiếp theo. Nước thải theo đường ống dẫn về bể điều tiết của dự án.

+ Công đoạn tẩy màu: Sau khi xả nước, sản phẩm cần tẩy màu tiếp tục được bổ sung nước sạch và giặt trong vòng 15 phút. Sau đó bổ sung: Soda (2kg/mẻ); chất chống lem (0,2kg/mẻ); kiềm (2kg/mẻ); Enzyme (5ml/1lit nước) và nhiệt từ lò hơi được cấp vào nước trong máy giặt duy trì ở nhiệt độ 70-80°C và tiến hành giặt trong 60 -70 phút. Sau khi giặt xong, xả nước để thực hiện bước tiếp theo. Nước thải theo đường ống dẫn về bể điều tiết của dự án.

+ Công đoạn giặt bằng nước nóng: Sau khi loại bỏ nước thải khâu tẩy màu, tiếp tục cho nước sạch vào máy để giặt quần áo nhằm loại bỏ các tạp chất, hoá chất còn lại. Lúc này nhiệt từ lò hơi được cấp vào nước trong máy giặt duy trì ở nhiệt độ 40-50°C trong 5 phút; việc giặt trong nước nóng giúp loại bỏ hết những hóa chất còn sót lại ở công đoạn trước trong sản phẩm. Sau khi giặt xong, xả nước để thực hiện bước tiếp theo. Nước thải theo đường ống dẫn về bể điều tiết của dự án.

+ Công đoạn trung hoà: Sau khi giặt nước nóng, xả hết nước thải; bổ sung nước sạch vào máy giặt và giặt trong vòng 15 phút; sau đó bổ sung axit axetic với tỷ lệ 0,1ml cho mỗi lit nước; tiến hành giặt tiếp trong 15 phút. Sau khi giặt xong, xả nước để thực hiện bước tiếp theo. Nước thải theo đường ống dẫn về bể điều tiết của dự án

Sau khi trung hoà, tùy theo yêu cầu của đơn hàng thực hiện:

➤ Với sản phẩm yêu cầu phun màu: Quần áo được lấy ra khỏi máy giặt, đưa đến máy vắt để vắt khô trước khi sấy, sau đó đưa đi phun màu..

➤ Với sản phẩm không phun màu: để nguyên trong máy giặt để thực hiện làm mềm vải.

- Công đoạn vắt (với quần áo yêu cầu phun thuốc tím): Quần áo được lấy ra khỏi máy giặt, đưa vào máy vắt ly tâm để vắt sạch nước còn trên vải, trước khi chuyển sang công đoạn sấy khô.

- Công đoạn sấy khô (với quần áo yêu cầu phun thuốc tím): Sau khi vắt, quần áo được đưa vào máy sấy khô trong vòng 40-60 phút; nhiệt cấp cho máy sấy lấy từ lò hơi, nhiệt trong máy sấy duy trì ở nhiệt độ 80°C để sấy khô sản phẩm trước khi phun thuốc tím

- Công đoạn phun thuốc tím (phun PP): Sản phẩm sau sấy khô được đưa tới buồng phun thuốc tím. Tại dự án tỷ lệ quần áo qua công đoạn phun thuốc tím chiếm 15-20% tổng lượng quần áo Jean nhập về. Với quần áo phun thuốc tím, chỉ thực hiện phun thuốc tím tại một số vị trí bị bạc màu, hoặc vị trí theo yêu cầu; không phun toàn bộ sản phẩm. Do đó lượng thuốc tím sử dụng rất ít khoảng 3kg/năm. Lượng thuốc tím được pha loãng với nước tạo thành dung dịch thuốc tím có nồng độ 1g/l để sử dụng phun. Khối lượng dung dịch thuốc tím sau pha sử dụng khoảng 2.400 kg/năm tương đương

Công đoạn phun thuốc tím được thực hiện trong buồng phun của máy phun thuốc tím (máy phun PP) bằng khung Inox có che chắn. Quần áo cần phun được treo trên các hình nộm cao su để dễ dàng phun đều lên vị trí cần phun, vào treo trước màng nước. Công nhân sử dụng súng phun lên từng vị trí cần phun. Dung dịch thuốc tím dư theo màng nước rơi xuống đáy theo đường ống dẫn về bể điều tiết nước thải của dự án.

- *Công đoạn làm mềm vải:* Quần áo sau giặt (không yêu cầu phun thuốc tím), với quần áo sau phun thuốc tím được đưa trở lại máy giặt để thực hiện làm mềm vải.

Đầu tiên cho nước vào máy giặt giặt trong khoảng 12-15 phút; sau đó bổ sung một lượng rất nhỏ Hóa chất làm mềm (Cationic Softener) làm sợi trương nở, làm cho sợi về trạng thái ban đầu mà không làm thay đổi các đặc tính khác (1-5ml cho 1kg quần áo). Lúc này nhiệt từ lò hơi được cấp vào nước trong máy giặt duy trì ở nhiệt độ 40-60°C; máy thực hiện đảo trộn quần áo trong dung dịch trong vòng 5 phút, quần áo sẽ mềm mại hơn. Sau khi làm mềm vải. Sản phẩm được đưa sang máy vắt, nước thải được xả về bể điều tiết của dự án.

- *Công đoạn vắt:* Sau khi làm mềm sản phẩm được đưa vào máy vắt ly tâm để vắt sạch nước còn trên vải, trước khi chuyển sang công đoạn sấy khô.

- *Công đoạn sấy khô:* Sau các quá trình trên, quần áo được đưa vào máy sấy khô trong vòng 40-60 phút; nhiệt cấp cho máy sấy lấy từ lò hơi, nhiệt trong máy sấy duy trì ở nhiệt độ 80°C để sấy khô sản phẩm.

- *Công đoạn kiểm tra, hoàn thiện:* Quần áo sau khi hoàn thiện được chuyển đến công đoạn kiểm tra. Tại bộ phận này, nhân viên KCS tiến hành kiểm tra sản phẩm theo yêu cầu. Sản phẩm lỗi có thể chỉnh sửa sẽ được quay vòng lại để chỉnh sửa (phun thuốc tím lại, phun bổ sung...). Sản phẩm lỗi nặng (vải bị rách, không đúng yêu cầu...), không thể chỉnh sửa được vận chuyển về khu lưu giữ chất thải của dự án. Sản phẩm đạt yêu cầu được treo lên móc hoặc gấp tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- *Công đoạn đóng gói, nhập kho:* Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói để đảm bảo sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã đóng gói được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng.

Quá trình này có thể làm phát sinh bụi với nồng độ rất nhỏ, bao gói đựng sản phẩm, thùng carton.

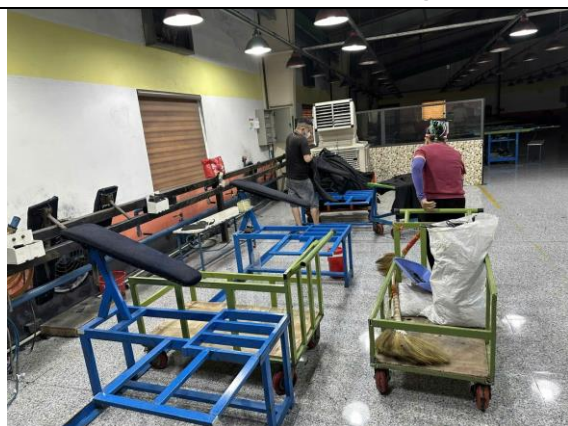
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án "Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam"
Chủ dự án: Công ty TNHH xuất nhập khẩu TOP Việt Nam



Hình ảnh khu vực giặt, vắt



Hình ảnh máy giặt



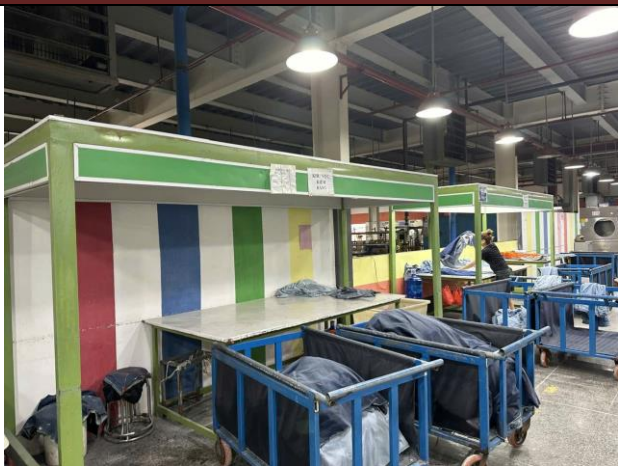
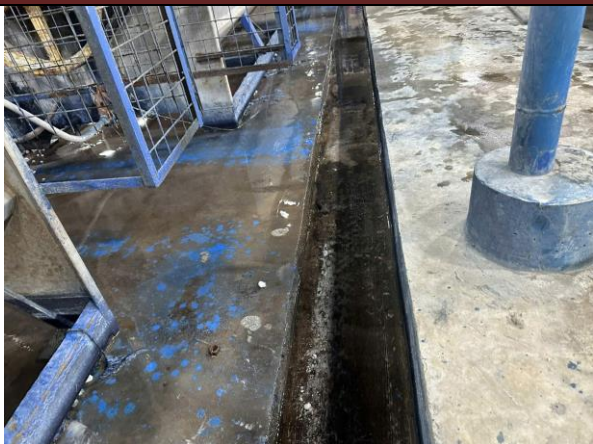
Hình ảnh công đoạn mài



Khu vực phun thuốc tím (phun PP)



Khu vực máy sấy

	
Hình ảnh khu vực kiểm tra	Rãnh thu nước thải trong nhà xưởng sản xuất

d. Mục tiêu cho thuê nhà xưởng:

- * Mục đích cho thuê: Công ty cho doanh nghiệp thuê nhà xưởng để làm văn phòng; thực hiện hoạt động sản xuất hoặc làm kho để lưu giữ hàng hoá.
- * Vị trí nhà xưởng cho thuê: một phần nhà xưởng tại tầng 01 và tầng 02.
- * Diện tích cho thuê: tối đa 2.500 m²
- * Số lượng doanh nghiệp vào thuê nhà xưởng tại một thời điểm: Dự kiến 01 - 02 doanh nghiệp (tối đa 02 doanh nghiệp).
- * Loại hình sản xuất, ngành nghề dự kiến của đơn vị thuê xưởng tại dự án: Chủ dự án cam kết chỉ cho các doanh nghiệp có loại hình sản xuất phù hợp với quy hoạch ngành nghề đã được phê duyệt của KCN Dệt may Phố Nối; cam kết không cho thuê đối với các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.
- * Chủ dự án cam kết chỉ tiếp nhận các dự án vào thuê nhà xưởng trong quá trình hoạt động không phát sinh nước thải sản xuất.
- * Số lượng công nhân, lao động các dự án thuê nhà xưởng: Tối đa 50 người đảm bảo việc thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của bề tự hoại.
- * Trách nhiệm của Công ty TNHH xuất nhập Khẩu TOP Việt Nam
 - Cung cấp hạ tầng đầy đủ cho doanh nghiệp thuê nhà xưởng theo đúng thỏa thuận ký kết giữa các bên.
 - Chịu trách nhiệm thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các dự án đến thuê xưởng, xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN. Công ty TNHH xuất nhập Khẩu TOP Việt Nam chịu trách nhiệm nếu nước thải vượt tiêu chuẩn của KCN.

- Chịu trách nhiệm cung cấp nước sạch từ bể chứa của Công ty tới từng dự án thuê xưởng và có đồng hồ đo lưu lượng riêng (hoặc theo thỏa thuận); giá cung cấp nước sạch bằng giá nước sạch công ty mua từ đơn vị cấp nước sạch.

* Trách nhiệm của đơn vị thuê nhà xưởng:

- Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng không phát sinh nước thải sản xuất trong quá trình hoạt động; Nước thải được thu gom, đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của công ty dẫn về bể điều tiết của công ty. Không xả nước thải dưới bất kỳ hình thức nào vào hệ thống thu gom thoát nước mưa của cơ sở.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong đó có việc thực hiện các thủ tục về môi trường trước khi đưa cơ sở vào hoạt động theo đúng quy định.

- Trả phí thu gom, xử lý nước thải theo đúng thỏa thuận giữa hai bên.

- Chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, xử lý khí thải và chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

e. Hoạt động phòng hóa chất: Hóa chất của dự án được lưu giữ tại khu vực riêng trong nhà xưởng, trong khu lưu giữ bố trí riêng các vị trí lưu giữ đối với từng loại hóa chất. Việc lưu giữ các hóa chất riêng biệt để đảm bảo việc quản lý và sử dụng dễ dàng, an toàn.



Khu vực lưu trữ hóa chất

Khi cần sử dụng, hóa chất được đưa đến khu vực sử dụng.

d. Hoạt động của phòng kiểm tra tại dự án: Tại dự án có bố trí 01 phòng kiểm tra với diện tích 25m². Tại đây chỉ thực hiện kiểm tra nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra về màu sắc, đường may.... Công đoạn kiểm tra dùng mắt thường, không dùng máy móc thiết bị do đó không phát sinh nước thải.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm đầu ra của dự án là Hàng may mặc không nhuộm, quần áo có nhuộm tùy theo yêu cầu của đơn hàng; văn phòng, nhà xưởng sản xuất cho thuê.

Danh mục sản phẩm đầu ra của dự án như sau:

STT	Sản phẩm	Số lượng	Quy đổi ra (Tấn/năm)
1	Hàng may mặc không nhuộm	1.000.000 sản phẩm/năm	650
2	Quần áo có mài, giặt nhuộm	800.000 sản phẩm/năm	800
3	Nhà xưởng, văn phòng cho thuê	2.500 m ²	-

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu sử dụng cho năm hoạt động ổn định

Quá trình hoạt động, nhu cầu sử dụng các nguyên liệu của Dự án tính cho năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 2: Bảng nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất của dự án

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Đặc điểm nguyên liệu/công đoạn sử dụng	Nguồn cung cấp
1	Vải tổng hợp	Tấn/năm	657	Lượng tiêu hao ước tính chiếm khoảng 1% nguyên liệu. Tùy theo yêu cầu lựa chọn loại vải phù hợp.	Trung Quốc/ Việt Nam
2	Chỉ may	Tấn/năm	1,5	May sản phẩm	Trung Quốc/ Việt Nam
3	Phụ kiện may (cúc, khoá...)	Tấn/năm	1,5	Đính kèm sản phẩm may	Trung Quốc/ Việt Nam
4	Quần áo Jesn	Tấn/năm	802	Để thực hiện giặt mài phun màu	Trung Quốc/ Việt Nam
5	Enzyme	Tấn/năm	6	Công đoạn loại bỏ keo và tẩy màu	Trung Quốc/ Việt Nam
6	Axit Acetic	lit/năm	810	Công đoạn trung hoà	Việt Nam
7	NaOH (98%)	Tấn/năm	3,6	Công đoạn tẩy màu	Việt Nam
8	Soda	Tấn/năm	4	Công đoạn tẩy màu	Việt Nam

9	Thuốc tím	Tấn/năm	2,4	Công đoạn phun thuốc tím	Việt Nam
10	Chất chống lem	Tấn/năm	0,5	Công đoạn tẩy màu	Trung Quốc/ Việt Nam
11	Chất làm mềm vải (thành phần chính là Silicon)	Tấn/năm	1	Dạng lỏng và trong suốt, tan hoàn toàn trong nước lạnh. Dùng làm mềm vải	Trung Quốc/ Việt Nam
12	Củi	Tấn/năm	450	Cung cấp nhiệt cho lò hơi,	Việt Nam
13	Bao bì đóng gói (thùng carton, túi PE)	Tấn/năm	2	Đóng gói sản phẩm chuyển trả khách hàng	Việt Nam
14	Tem, nhãn, thẻ bài	Tấn/năm	0,5	Đóng gói sản phẩm chuyển trả khách hàng	Việt Nam

*** Đặc tính của một số loại thuốc nhuộm, hóa chất tại dự án:**

- Na_2CO_3 dạng soda (dạng bột màu trắng), trọng lượng riêng 1,5, thăng hoa nhanh ngoài không khí thành bột trắng $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$. Ở $35,7^\circ\text{C}$ nóng chảy trong nước kết tinh, đồng thời tách ra các hydrat chứa ít nước hơn $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot \text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 3\text{H}_2\text{O}$. Hòa tan trong nước tan cực đại ở 34°C ; Na_2CO_3 là những tinh thể hình thoi, có trọng lượng riêng 2,259, bắt đầu mất nước ngay ở 47°C ngoài không khí; Na_2CO_3 là chất bột trắng, có trọng lượng riêng 2,5 dễ tan trong nước và phát nhiệt khi tan.

- Đặc tính của axit axetic 98% (CH_3COOH): Axit axetic CH_3COOH là chất lỏng, không màu, vị chua, tan vô hạn trong nước. Dung dịch axit axetic nồng độ từ 2 – 5 % dùng làm giấm ăn. Axit axetic là một axit yếu, yếu hơn các axit HCl , H_2SO_4 , HNO_3 , H_2SO_3 nhưng mạnh hơn axit cacbonic H_2CO_3 .

- Chất làm mềm vải Silicone: có dạng lỏng và trong suốt, loại hóa chất này tan hoàn toàn trong nước lạnh. Siliones được ứng dụng là chất làm mềm vải phù hợp với các loại vải bằng cotton, vải sợi PES/ cotton dệt kim và dệt thoi.

- KMnO_4 : hóa chất có tác dụng làm sản phẩm đạt màu chuẩn, không bị lẫn màu.

- Chất chống lem: là dung dịch màu trắng sệt hoặc vàng nhạt, tính chất trung tính có tác dụng làm khuếch tán xả hồ, ngăn ngừa phát sinh hiện tượng đốm khi phun màu cho sản phẩm

Ngoài ra, chủ dự án còn sử dụng thêm một lượng dầu mỡ để bôi trơn, bảo dưỡng máy móc định kỳ khoảng 2000 lít/năm.

b. Nhu cầu về sử dụng điện của dự án: Điện được sử dụng cho hoạt động của máy móc thiết bị tham gia quá trình sản xuất, hoạt động chiếu sáng, hoạt động văn phòng, sinh hoạt của cán bộ công nhân như: quạt mát, điều hòa... với tổng lượng điện sử dụng lớn nhất vào khoảng 2.000.000 Kwh/năm.

- Nguồn cấp điện cho dự án là điện lực Hưng Yên.

c. Nhu cầu về sử dụng nước:

*** Nguồn nước sử dụng cho dự án:** Nước sử dụng cho dự án được lấy từ 02 nguồn cung cấp, cụ thể:

- Nguồn nước mua trên thị trường: Nước bình phục vụ cho nước uống. Lượng sử dụng lớn nhất $0,1\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn nước cấp cho hoạt động sản xuất sinh hoạt: Dự án sử dụng nước sạch do chủ đầu tư hạ tầng KCN dệt may Phố Nối cung cấp. Dự án cam kết không khai thác nước ngầm.

*** Nước sử dụng cho sinh hoạt**

- Nhu cầu sử dụng nước của cán bộ công nhân viên Công ty: Số lượng cán bộ công nhân viên của dự án khi đạt công suất tối đa khoảng 300 người (bao gồm cả công nhân thời vụ). Lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty theo TCVN 13606:2023 về cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế: tiêu chuẩn dùng nước $25\text{l}/\text{người}/\text{ca}$, hệ số không điều hòa giờ là 3, công ty làm việc 01 ca/ngày. Vậy lượng nước cấp lớn nhất cho quá trình sinh hoạt của 300 người như sau: $Q_{\text{Sinh hoạt 1}} = 300 \times 0,025 \times 3 \times 1 = 22,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu sử dụng nước của đơn vị cho thuê nhà xưởng: Dự án có mục tiêu cho thuê nhà xưởng, chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt cho các dự án vào thuê nhà xưởng do đó để đảm bảo hoạt động của các bể tự hoại, các đơn vị vào thuê nhà xưởng có số lượng công nhân tối đa 50 người. Khi đó nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của các đơn vị vào thuê nhà xưởng là:

$$Q_{\text{Sinh hoạt 2}} = 50 \text{ người} \times 0,025 \times 3 \times 1 \text{ m}^3/\text{ngày} = 3,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

*** Nước dùng cho sản xuất:** Tại công ty nước sử dụng cho các hoạt động sau:

- Nước sử dụng cho hoạt động của lò hơi 4 tấn hơi/giờ: Tổng lượng cấp cho lò hơi để tạo hơi cấp cho sản xuất lớn nhất là $20\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nước sử dụng cho các công đoạn sản xuất giặt, tẩy keo, tẩy màu, trung hoà, làm mềm: Các công đoạn này sử dụng nước sạch từ KCN. Tùy theo yêu cầu đơn hàng có một hoặc nhiều công đoạn, do đó lượng nước thải do động tùy theo đơn hàng. Căn cứ thực tế sản xuất các năm qua, để sản xuất 1 tấn sản phẩm cần tiêu thụ lượng nước lớn nhất $150\text{-}200\text{m}^3$ nước. Căn cứ công suất sản xuất của dự án là 800 tấn/năm (thực tế có thể cao hơn do khối lượng sản phẩm phẩm quần áo Jean). Như vậy lượng nước dùng cho hoạt động sản xuất của dự án làm tròn lớn nhất vào khoảng $480 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Lượng nước thải ước tính khoảng $470 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Còn lại 10 m^3 ngấm vào quần áo và thất thoát do hoạt động sấy.

- Nước pha thuốc tím: dự án thực hiện pha thuốc tím, lượng pha trung bình $0,008 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước xả đáy lò hơi: Định kỳ hàng ngày thực hiện xả đáy lò hơi, lượng xả đáy khoảng 1 m³/ngày. Lượng thải này khi phát sinh sẽ theo đường ống về Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

- Nước cấp cho vệ sinh lò hơi: Dự án thực hiện vệ sinh lò hơi 01 năm/lần. Lượng nước vệ sinh mỗi lần 1 m³/lần. Vậy lượng nước vệ sinh cho lò là 1 m³/lần/năm. Lượng thải này khi phát sinh sẽ theo đường ống về Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

- Nước sử dụng cho khâu phun màng nước công đoạn phun thuốc tím, lượng sử dụng 5m³/ngày. Lượng này phát sinh không thường xuyên. Lượng thải này khi phát sinh sẽ theo đường ống về Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án..

- Nước sử dụng cho hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi: Trong quá trình hoạt động, chủ dự án sử dụng nước cho bể dập bụi của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi. Lượng nước sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải được lắng cặn tái sử dụng. Định kỳ khoảng 01 tháng/lần thực hiện hút và thải bỏ cặn đồng thời vệ sinh bể dập bụi, thay thế nước dập bụi khác. Lượng cặn này sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định. Do đó lượng nước sử dụng thay thế cho toàn hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi là 10m³/tháng tuần; lượng nước thải khi thay thế là 10 m³/lần; Lượng thải này khi phát sinh sẽ theo đường ống về Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

Vậy lượng nước cấp lớn nhất cho dự án là: 480 + 20 + 1 + 1 + 5 + 10 + 0,008 ≈ 517 m³/ngày đêm; nước thải sản xuất lớn nhất của dự án là: 470 + 1 + 1 + 5 + 10 + 0,008 ≈ 487 m³/ngày đêm.

*** Nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường:** Trong quá trình dự án hoạt động, Chủ dự án sử dụng nước để rửa sạch bụi bẩn bám trên bề mặt sân đường, tưới cho cây xanh, thảm cỏ. Lượng nước sử dụng cho quá trình tưới cây, rửa đường 02 m³/ngày;

*** Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy:** được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn;

*** Nhu cầu sử dụng điện, nước của dự án được tổng hợp như bảng sau:**

Bảng 1. 3: Dự báo nhu cầu sử dụng điện và nước của dự án (tính cho ngày sử dụng lớn nhất)

STT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng tính cho ngày sử dụng lớn nhất
1	Điện	Kwh/năm	3.000.000
2	Nước	m ³ /ngày	545,25

2.1	Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt (bao gồm cả đơn vị vào thuê xưởng)	m ³ /ngày	26,25
2.2	Nước cấp cho sản xuất	m ³ /ngày	517
2.3	Nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường	m ³ /ngày	2
2.4	Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy: Dự trữ trong bể chứa, sử dụng khi có hỏa hoạn		

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án:

Dự án đã xây dựng và đang sử dụng các hạng mục công trình, cụ thể theo bảng sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
1	Nhà xưởng 02 tầng + nhà văn phòng	m ²	2.343	Đã xây dựng và đang sử dụng
2	Khu lò hơi + Kho nguyên liệu lò hơi + nhà rác	m ²	68	Đã xây dựng và đang sử dụng
3		m ²	32,00	Đã xây dựng và đang sử dụng
4	Nhà bảo vệ	m ²	12	Đã xây dựng và đang sử dụng
5	Nhà để xe	m ²	82	Đã xây dựng và đang sử dụng
6	Cây xanh	m ²	900	Đã trồng
7	Sân đường	m ²	806	Đã xây dựng và đang sử dụng
8	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
8.1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Hệ thống	01	Đã xây dựng và đang sử dụng
8.2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Hệ thống	01	Đã xây dựng và đang sử dụng
8.3	Bể điều tiết nước thải sản xuất	Hệ thống	01	Đã xây dựng và đang sử dụng
8.4	Bể tự hoại	Hệ thống	01	Đã xây dựng và đang sử dụng
8.5	Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi	Hệ thống	01	Đã lắp đặt và đang sử dụng

1.5.2. Máy móc thiết bị.

Tại dự án, chủ dự án đã đầu tư máy móc thiết bị của dự án theo Bảng sau:

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
I	Danh mục máy móc thiết bị phục vụ quy trình sản xuất hàng may mặc không nhuộm					
1.1	Máy may	Chiếc	100	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
1.2	Máy cắt tự động	Chiếc	05	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
1.3	Máy cắt thủ công	Chiếc	03	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
1.4	Máy dò kim	Chiếc	02	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
1.5	Bàn là, bàn hút	Chiếc	10	Việt Nam/ Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
1.6	Hệ thống các thiết bị phụ trợ	Hệ thống	01	Việt Nam/ Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
II	Danh mục máy móc thiết bị phục vụ quy trình giặt, mài, phun màu quần áo Jean					
2.1	Máy giặt các loại	Chiếc	18	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.2	Máy vắt các loại	Chiếc	03	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.3	Máy phun thuốc tím (phun PP)	Chiếc	07	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.4	Máy sấy khô	Chiếc	15	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.5	Máy Ozon sử dụng cho công đoạn giặt	Chiếc	01	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.6	Hệ thống máy mài tay	Hệ thống	01	Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
2.7	Hệ thống các thiết bị phụ trợ	Hệ thống	01	Việt Nam/ Trung Quốc	2018	Hoạt động tốt
III	Thiết bị xử lý môi trường					
3.1	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khí thải lò hơi (lắp đặt đồng bộ với lò hơi)	Hệ thống	01	Việt Nam	2018	Hoạt động tốt
3.2	Hệ thống thông thoáng nhà	Hệ	01	Việt Nam	2018	Hoạt động tốt

	xưởng	thống				
IV	Thiết bị sử dụng chung					
4.1	Thiết bị văn phòng	Hệ thống	01	Việt Nam	2018	Hoạt động tốt
4.2	Lò hơi 04 tấn/giờ	Chiếc	01	Việt Nam	2018	Hoạt động tốt
4.3	Máy phát điện	Chiếc	01	Nhật Bản	2018	Hoạt động tốt

1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:

Khi đi vào hoạt động tối đa công suất, công ty sẽ tuyển dụng lao động, với nhu cầu như sau:

- Số lượng lao động tối đa: 300 người
- Chế độ làm việc 01 ca/ngày, mỗi ca 08 tiếng. Tuy nhiên, chế độ làm việc giữa các bộ phận có sự điều chỉnh khác biệt nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án. Nhân viên quản lý sẽ làm việc theo giờ hành chính do đơn vị quy định. Đối với lao động làm việc tại xưởng công ty sẽ xây dựng chế độ làm việc theo ca.
- Số ngày hoạt động trong năm: 300 ngày

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

* Ngày 08/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg, theo đó:

- Mục tiêu tổng quát: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đối với phân vùng môi trường: Định hướng phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc theo tiêu chí yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Đối với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Định hướng bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên nhằm phục hồi và duy trì các hệ sinh thái tự nhiên, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học trên cơ sở củng cố, mở rộng, thành lập mới và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng và cơ sở bảo tồn để lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, mẫu giống cây trồng và vật nuôi.

+ Đối với khu xử lý chất thải tập trung: Định hướng hình thành đồng bộ hệ thống khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên phạm vi cả nước, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp trực tiếp, thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử

dụng chất thải. Đồng thời, xây dựng được cơ chế, chính sách thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động xử lý chất thải.

+ Đối với mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường: Định hướng thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh thống nhất và đồng bộ, hiện đại, có tính liên kết trên phạm vi cả nước để chủ động theo dõi hiện trạng và bước đầu xây dựng năng lực dự báo diễn biến chất lượng môi trường, cảnh báo ô nhiễm môi trường; bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho Nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Nhiệm vụ về bảo vệ môi trường đặt ra:

- + Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội
- + Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại
- + Quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường
- + Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

+ Thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững; trong đó thực hiện "Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái.

- Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam được thực hiện tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Dự án nằm trong KCN đã được quy hoạch để phát triển công nghiệp; không nằm trong vùng cần bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; không nằm trong các vùng nhạy cảm, vùng cần bảo vệ nghiêm ngặt... Ngoài ra, quá trình hoạt động, chủ dự án đã kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong phạm vi dự án được thu gom, lưu giữ tạm thời và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Như vậy, dự án phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

* Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

* Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024, theo đó:

- Mục tiêu đến năm 2030: Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; theo hướng trở thành một đô thị thông minh, xanh, môi trường sống tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cacbon thấp; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thông minh; thành phố giàu đẹp, văn minh, văn hiến hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa; là nơi đáng sống của vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng; là trung tâm kết nối giữa các địa phương trong vùng, giao thương với các nước Đông Bắc Á đặt trong mối liên kết đa ngành, các tỉnh thuộc vùng Thủ Đô.

- Đối với công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo với các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp hiện đại, chuyên môn hóa cao tại các công đoạn có giá trị gia tăng cao. Các ngành công nghiệp ưu tiên bao gồm: Công nghiệp công nghệ cao gắn với công nghệ số (sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông, thiết

bị di động, máy vi tính và linh kiện; thiết kế sản xuất chất bán dẫn, pin, bộ tích điện; sản phẩm quang học; công nghệ phần mềm, rô bốt, thiết bị tích hợp....); công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; sản xuất các thiết bị y tế, hóa dược, công nghệ sinh học, dược phẩm; sản xuất thiết bị điện, năng lượng; Công nghiệp sản xuất cơ khí – chế tạo (sản xuất, lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải, máy móc, phụ tùng, linh kiện...); công nghiệp dệt may; công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới.....

Ngoài ra, quy hoạch xác định mục tiêu ưu tiên phát triển các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt là các khu có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo cho phát triển bền vững.

* Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam được thực hiện tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam với đặc thù sản xuất là sản xuất hàng may mặc, giặt, mài, phun màu quần áo. Quá trình hoạt động, chủ dự án cam kết kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; cam kết xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn của KCN và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN; chất thải rắn phát sinh trong phạm vi dự án được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Như vậy, dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 và chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Ngoài ra, Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam được thực hiện tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên có quy hoạch rõ ràng, không chồng lấn, ảnh hưởng tới các dự án xung quanh.

* Về quy hoạch KCN: Dự án xây dựng nhà máy dệt kim được thực hiện tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Công ty cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối (chủ đầu tư hạ tầng KCN dệt may Phố Nối) đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án "**Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, diện tích 121,6987ha**" và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định phê duyệt số 2284/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04/4/2024 (bản sao quyết định phê duyệt ĐTM và Giấy phép môi trường của KCN đính kèm tại phần Phụ lục Báo cáo).

- KCN dệt may Phố Nối đã xây dựng hoàn thiện hạ tầng KCN như: hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước và thu gom và thoát nước thải hoàn chỉnh; đã xây dựng, lắp đặt hoàn thiện và đang hoạt động ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Theo quy hoạch và phân khu chức năng, quy hoạch ngành nghề tiếp nhận đầu tư vào KCN bao gồm: Các ngành công nghiệp dệt may và hàng tiêu dùng; công nghiệp

cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử; công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm.... Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam với đặc thù là sản xuất hàng may mặc, giặt, mài, phun màu quần áo hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN dệt may Phố Nối

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam được thực hiện tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình hoạt động của dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn.

Nguồn tiếp nhận trực tiếp bụi và khí thải, nước thải của dự án là môi trường không khí khu vực xung quanh KCN Dệt may Phố Nối và hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

* Hiện trạng môi trường KCN:

- Môi trường không khí KCN: Từ thực tế hoạt động của KCN, qua khảo sát cho thấy: môi trường không khí KCN không có dấu hiệu ô nhiễm; đảm bảo điều kiện hoạt động cho doanh nghiệp; đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Về nước thải của KCN: Trong năm 2024, theo kết quả quan trắc định kỳ và tự động đối với nước thải sau xử lý của chủ đầu tư hạ tầng KCN, các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý luôn nằm trong quy chuẩn cho phép theo quy định trước khi xả thải ra môi trường

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong các KCN năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên)

* Hiện trạng hoạt động của KCN dệt may Phố Nối: Tính đến hết tháng 3 năm 2025, KCN dệt may Phố Nối đã tiếp nhận 66 dự án, trong đó có 65 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh; 01 dự án đang triển khai.

- Hiện tại, Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã xây dựng và đang hoạt động ổn định Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn I có công suất 12.000m³/ngày đêm, có công nghệ xử lý đặc thù cho ngành dệt nhuộm, may mặc. Toàn bộ nước thải phát sinh từ các dự án trong KCN được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{hy} = 0,85$) trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo các thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, màu và truyền dữ liệu 24/24h về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã xây dựng và đang vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn II có công suất 8.000m³/ngày đêm, có công nghệ xử lý đặc thù cho ngành dệt nhuộm, may mặc để xử lý nước thải từ các dự án trong KCN đạt QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{hy} = 0,85$) trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chủ dự án đã lắp đặt hệ

thống quan trắc nước thải tự động theo các thông số: pH, nhiệt độ, độ màu, COD, TSS, lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho; đã truyền dữ liệu 24/24h về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời điểm hiện tại, tổng lượng nước thải phát sinh của cả KCN vào khoảng 14.715 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải sinh hoạt và công nghiệp), được thu gom về 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN có tổng công suất 20.000 m³/ngày đêm, đảm bảo việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

* Công tác bảo vệ môi trường của dự án:

- Môi trường không khí: Dự án đặc thù là sản xuất hàng may mặc do đó hoạt động của dự án sẽ phát sinh bụi, khí thải cần phải đầu tư công trình xử lý. Thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường Chủ dự án đã đầu tư 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi từ 01 lò hơi của dự án; Khí sạch sau xử lý xả thải ra môi trường ngoài nhà xưởng. Ngoài ra, chủ dự án thực hiện thông thoáng nhà xưởng, trồng cây xanh trong khuôn viên công ty. Chủ dự án cam kết các công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường dự án đã thực hiện đạt hiệu quả, đảm bảo môi trường lao động trong các khu vực sản xuất dự án đạt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT nên không ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở cũng như môi trường xung quanh.

Ngoài ra chủ dự án đã bố trí cây xanh đảm bảo quy định tạo môi trường làm việc thoáng, xanh, sạch đẹp; đồng thời chủ dự án đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

- Đối với môi trường nước: Dự án phát sinh tổng lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất lớn nhất trong một ngày khoảng 513,25 m³/ngày. Trong đó, nước thải sản xuất phát sinh 487 m³/ngày; Chủ dự án đã xây dựng 01 bể điều tiết nước thải sản xuất với dung tích 500 m³ đảm bảo thu gom, lưu chứa và giảm nhiệt cho toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh của dự án. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ. Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ của dự án, đạt tiêu chuẩn của KCN thực hiện đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN. Nước thải của dự án sau đó được chủ đầu tư hạ tầng KCN xử lý tiếp tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Trong quá trình hoạt động của dự án, toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh được phân loại; thu gom; lưu giữ tạm thời và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

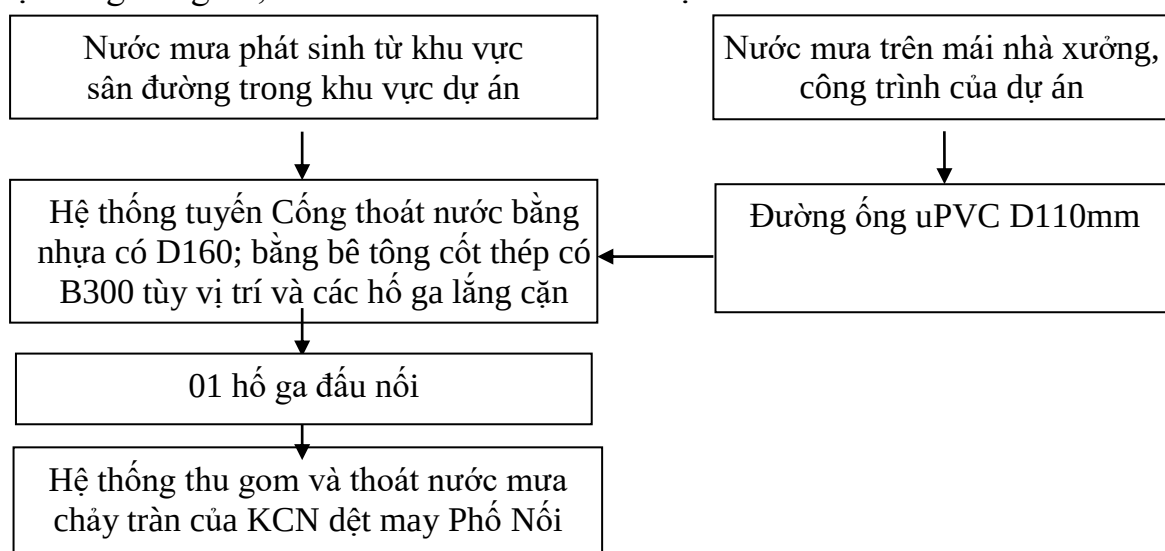
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

* Nước mưa cuốn theo đất đá, các chất trên đường đi của nó gây tắc nghẽn dòng chảy, dẫn đến ngập úng. Để giảm thiểu tác động, chủ dự án đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa cho toàn bộ khu đất theo sơ đồ như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ phương án thu gom và thoát nước mưa chảy tràn của dự án

* Hệ thống thoát nước mưa:

- Tại dự án chủ dự án đã xây dựng Hệ thống thoát nước mặt tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Thoát nước mái nhà: Nước mái nhà xưởng, văn phòng, các công trình theo đường ống nhựa uPVC có D110 chảy vào hệ thống thoát nước mặt của dự án xung quanh khu đất và xung quanh các công trình.

- Hệ thống thoát nước mặt của dự án đã được xây dựng xung quanh các công trình, khu đất thực hiện dự án là đường ống nhựa có D160, chiều dài 106m và rãnh thu gom bằng bê tông cốt thép với kích thước B300, chiều dài 92m đảm bảo khả năng tiêu thoát nước. Tổng độ dài hệ thống cống thoát nước mặt và ống thoát nước mặt tại dự án 198m.

* Điểm thoát nước mưa: Trên hệ thống cống thu gom thoát nước mưa có song chắn rác và hố ga để lắng cặn, bụi, chất rắn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom

thoát nước mưa chảy tràn của KCN dệt may Phố Nối qua 01 điểm đầu nối. Vị trí điểm đầu nối cụ thể như sau:

Điểm đầu nối	Vị trí đầu nối	Toạ độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Điểm đầu nối nước mưa	Trên đường nội bộ của KCN phía Nam khu đất thực hiện dự án	2314301	560102

- Nước mưa chảy tràn được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn của KCN theo phương thức tự chảy.

* Trong quá trình hoạt động của dự án, Công ty hạn chế tới mức thấp nhất chất thải rắn, bụi đất trên sân, đường và các khu vực khác rơi vãi vào hệ thống thoát nước mặt. Sân, kho bãi được vệ sinh hàng ngày để giảm thiểu chất thải theo nước mặt ra môi trường. Thường xuyên vệ sinh hệ thống thoát nước. Bùn, cặn tại hố ga được nạo vét định kỳ và thu gom đưa đi xử lý.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: Dự án đang hoạt động ổn định, quá trình hoạt động phát sinh nước thải sinh hoạt và sản xuất.

a. Nguồn phát sinh nước thải:

* Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà Văn phòng.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn (rửa tay chân)

- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- + Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất (các công đoạn phát sinh nước thải gồm: giặt, tẩy keo, tẩy màu, trung hoà, làm mềm, vắt).
- + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy, vệ sinh lò hơi
- + Nguồn số 06: Nước thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- + Nguồn số 07: Nước thải từ khu vực phun thuốc tím

b. Lưu lượng phát sinh: Tổng lưu lượng xả nước thải tối đa: 513,25 m³/ngày đêm. Trong đó:

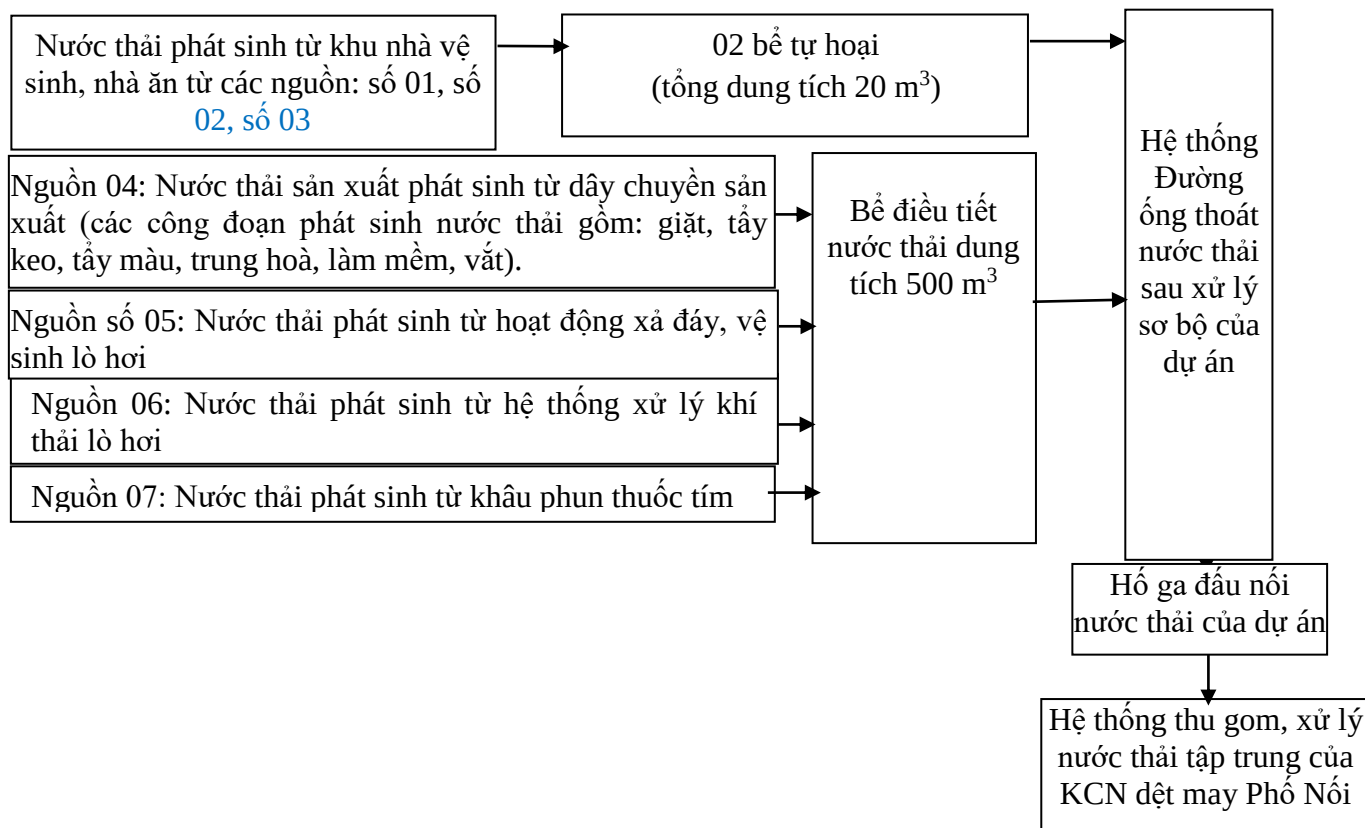
- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: 26,25 m³/ngày đêm (bao gồm cả nước thải từ dự án và từ dự án thuê nhà xưởng do dùng chung nhà vệ sinh).

- Lưu lượng xả nước thải sản xuất tối đa: 487 m³/ngày đêm

c. Thực hiện phân dòng nước thải để thu gom, xử lý: Tại dự án, thực hiện phân dòng đối với các nguồn thải để thu gom, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy

định trước khi thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối.

Việc phân dòng, xử lý đối với nước thải của dự án cụ thể như sau:



Hình 3. 2. Sơ đồ phân luồng dòng thải và hướng xử lý

d. Hệ thống đường ống thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau theo đường ống uPVC có D110 từ các vị trí phát sinh đến bể tự hoại, song chắn rác...tùy vị trí (nước thải nhà vệ sinh đến bể tự hoại; nước rửa tay chân đi qua các song chắn rác)

- Nước thải sản xuất: Đường ống thu gom nước thải từ các vị trí phát sinh theo rãnh thu gom bằng BTCT với B600 đến bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án; tổng chiều dài đường thu gom nước thải sản xuất 45m;

e. Hệ thống đường ống thoát nước thải:

Hệ thống đường ống thoát nước thải là hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý sơ bộ đến hồ ga đầu nối nước thải của dự án. Hệ thống đường ống thoát nước thải bằng BTCT với B600 hoặc B800 tùy vị trí, tổng chiều dài 146m.

f. Điểm xả thải (điểm đầu nối nước thải): Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ tại hồ ga đầu nối nước thải của dự án xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối qua 01 điểm đầu nối. Nước thải theo đường ống thu gom của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả theo quy định..

- Vị trí điểm đầu nổi nước thải của dự án: trên đường nội bộ của KCN, phía Nam khu đất thực hiện dự án

.- Vị trí tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° như sau: X(m): 2314313; Y(m): 560066

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả thải: theo hoạt động sản xuất của dự án.

g. Xử lý nước thải: Để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt và sản xuất, chủ dự án đã xây dựng dựng 02 bể tự hoại và 01 bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

* **Bể tự hoại:** với chức năng xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà vệ sinh.

- Số lượng: Chủ dự án đã xây dựng 02 bể tự hoại bằng bê tông cốt thép, gồm:

+ 01 bể tự hoại khu vực nhà văn phòng, dung tích chứa của bể là 10 m^3 ;

+ 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng, dung tích chứa an toàn của bể là 10 m^3 ;

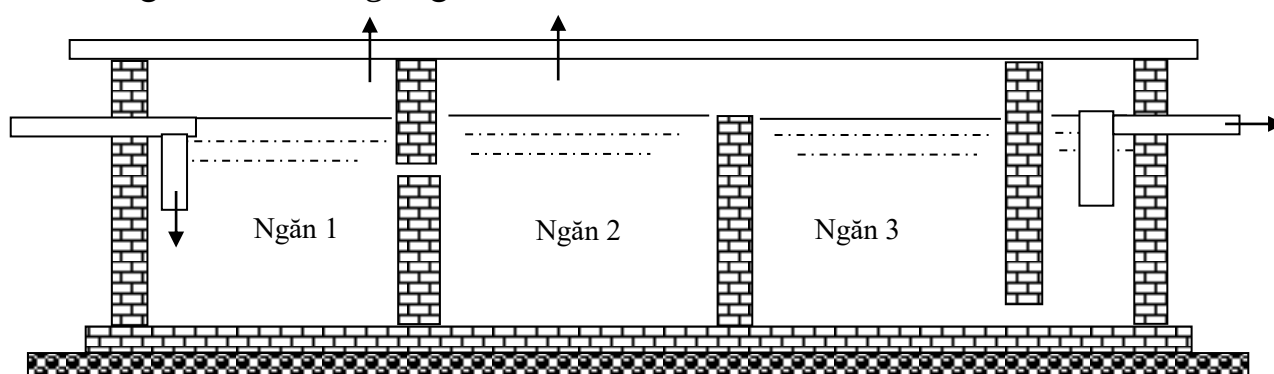
- Với tổng dung tích chứa an toàn của các bể tự hoại là 20 m^3 , đảm bảo việc xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh với lượng phát sinh bằng khoảng $1/3$ tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án, tương đương khoảng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

+ Giai đoạn 1: Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học): Đầu tiên nước thải vào ngăn 1 để thực hiện điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, lắng cặn xuống đáy ngăn đồng thời dưới tác động của vi sinh vật yếm khí, quá trình phân hủy được diễn ra, nồng độ các chất ô nhiễm: BOD, COD, N, P... được giảm đi đáng kể.

+ Giai đoạn 2: Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học): Nước thải từ ngăn 1 được chuyển qua ngăn 2. Tại đây các chất cặn được lắng xuống, chất ô nhiễm tiếp tục được hệ vi sinh vật yếm khí phân hủy tiếp. Tiếp theo nước thải được chuyển sang ngăn 3.

+ Giai đoạn 3: Ngăn 3 (Lắng): Nước thải chuyển sang ngăn 3 để lắng cặn bản. Tại đây các cặn bản còn lại trong nước thải được lắng xuống đáy bể, nước trong được thoát ra ngoài theo đường ống thoát nước thải.



Hình 3. 3. Hình ảnh bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

* **Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án:** Nước thải sản xuất của dự án là nước thải đặc thù ngành dệt nhuộm, lượng nước thải phát sinh của dự án là 487

m³/ngày (lượng tối đa), tuy nhiên nước thải phát sinh không liên tục, nhiệt độ đầu ra của nước thải sản xuất khi hòa lẫn các dòng thải ổn định khoảng 40 đến dưới 42°C, sau khi qua bể trung hoà 02 ngăn vừa có tác dụng lắng cặn và giải nhiệt đảm bảo nước thải đầu ra đạt nhiệt độ không quá 40°C theo đúng đồng nguyên tắc về xử lý nước thải của Công ty đã ký với chủ đầu tư hạ tầng KCN.

Bể có tác dụng chứa nước thải, giảm thiểu nhiệt độ nước thải; dự án làm việc 01 ca/ngày; trung bình nước thải phát sinh lớn nhất 500 m³/ngày do đó thể tích bể điều tiết đã xây dựng đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải sản xuất của dự án, không bị tràn bể.

Bể được xây dựng ngầm, dưới nhà ăn, nhiệt độ đầu vào khi ổn định trong bể dưới 40°C do đó giảm ảnh hưởng mùi tới khu vực nhà xưởng cũng như tác động của nhiệt độ bên ngoài lên bể chứa nước thải. Nước thải từ bể theo đường ống thoát vào cống thoát nước thải của dự án cùng với nước thải sinh hoạt ra hố ga thu gom nước thải chung của dự án, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN qua 01 điểm đầu nối.

Bể được xây dựng bằng bê tông, cốt thép kiên cố; có lớp sơn chống thấm phía trong lòng bể và lớp màng chống thấm ngoài thành bể, có băng cản nước PVC; bể có nắp đáy bằng thép. Bể đã xây dựng đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra môi trường và việc lưu trữ nước thải an toàn.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí như sau:

Tại dự án quá trình hoạt động phát sinh bụi, khí thải cần phải áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động tới môi trường và sức khỏe công nhân lao động. Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp xử lý hoặc giảm thiểu tác động đối với từng nguồn phát sinh khí thải, cụ thể như sau:

TT	Nguồn phát sinh	Biện pháp thu gom, xử lý
I	Đầu tư, lắp đặt các công trình xử lý bụi, khí thải	
1.1	Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường.
II	Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường	
2.1	Quá trình sản xuất phát sinh bụi công đoạn cắt, may	Lượng bụi, khí thải phát sinh không lớn. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi tại khu vực cắt, may thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Do đó chủ dự án áp dụng biện pháp

		thông thoáng nhà xưởng; trang bị bảo hộ cho công nhân.
2.2	Bụi phát sinh công đoạn mài	Tại dự án thực hiện mài thủ công tại một số vị trí trên quần áo; sản phẩm qua mài ít khoảng 10-20%. Công đoạn mài không thường xuyên, liên tục; bụi phát sinh không lớn. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi tại khu vực mài thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Do đó chủ dự án áp dụng biện pháp bố trí khu mài riêng và trang bị bảo hộ cho công nhân.
2.3	Hơi hoá chất công đoạn giặt, tẩy keo, tẩy màu, trung hoà, làm mềm vải	Trong hoạt động sản xuất, chủ dự án sử dụng các hoá chất cho công đoạn giặt, tẩy keo, tẩy màu. Tuy nhiên các hoá chất đều được pha loãng, tỷ lệ dùng ít. Hơi hoá chất phát sinh không đáng kể. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi chất ô nhiễm tại khu vực giặt (thực hiện các công đoạn trên) thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Do đó chủ dự án áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng và trang bị bảo hộ cho công nhân.
2.4	Hơi hoá chất công đoạn phun màu	Lượng quần áo qua công đoạn phun thuốc tím ít, chỉ phun một vài vị trí trên quần áo, không phun toàn bộ quần áo nên lượng thuốc tím sử dụng rất ít. Công đoạn phun không thường xuyên, liên tục. Khi phun công nhân đứng sát màng nước và phun hướng vào màng nước, thuốc tím dư không bám dính vào quần áo được thu gom theo màng nước đến bể điều tiết của dự án. Do đó hơi thuốc tím phát sinh trong khu vực phun không đáng kể. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi chất ô nhiễm tại khu phun thuốc tím thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Chủ dự án áp dụng biện pháp bố trí khu phun riêng; thông thoáng nhà xưởng và trang bị bảo hộ cho công nhân thực hiện phun.

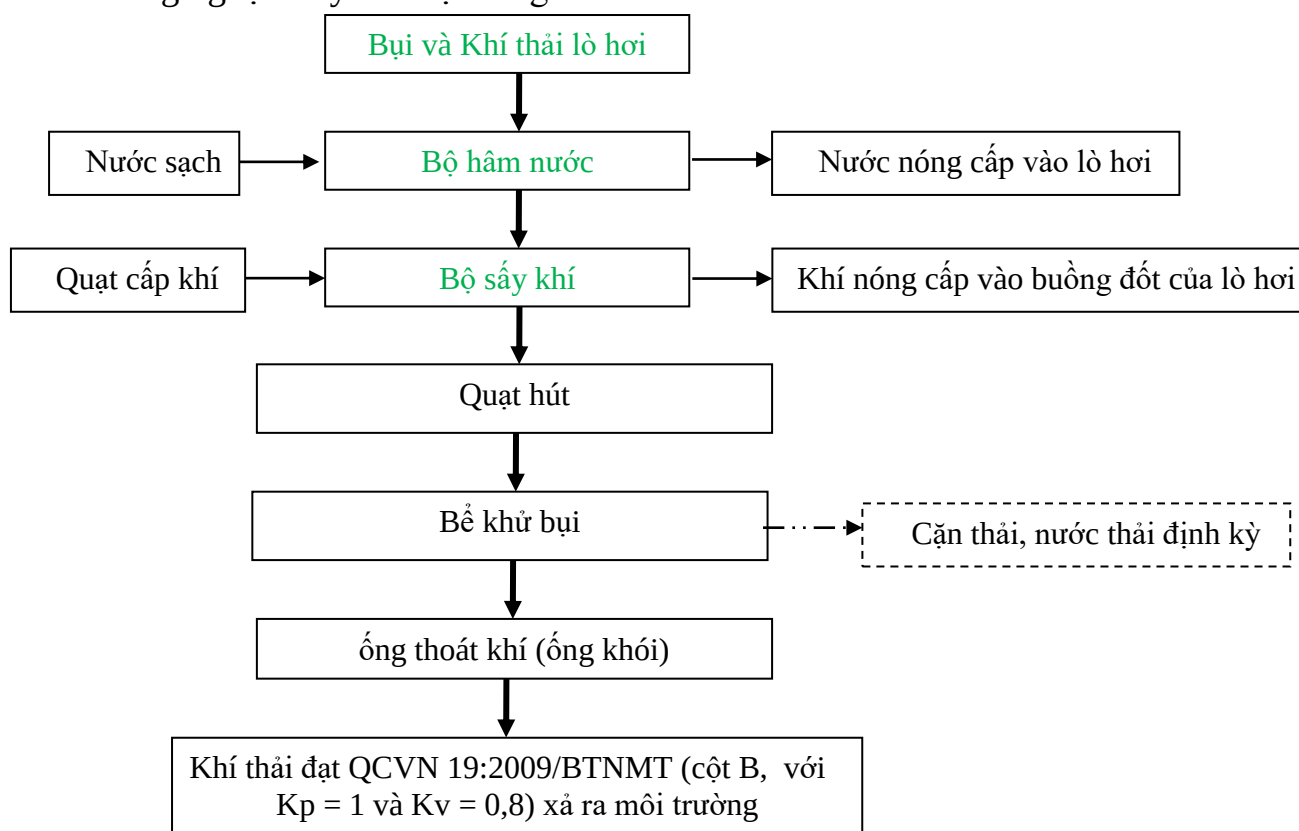
3.2.2. Các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án thuộc đối tượng xin cấp Giấy phép môi trường như sau:

a. Hệ thống thu gom xử lý bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi:

* Dự án sử dụng 01 lò hơi tầng 04 tấn hơi/giờ đây cấp nhiệt cho hoạt động sản xuất của dự án. Trong quá trình hoạt động, dự án sử dụng nhiên liệu đốt lò hơi là củi, trong một số trường hợp có thể sử dụng nhiên liệu biomass (mùn cưa ép, củi ép hoặc trấu ép) tùy theo từng thời điểm hoặc khi nguồn nhiên liệu củi hạn chế. Đặc điểm chung khi sử dụng nguồn nhiên liệu đốt lò của dự án sẽ phát sinh bụi, khí thải như

NO_x, CO, SO₂. Trong đó tro bụi là vấn đề cần quan tâm. Để giảm thiểu tác động của bụi và khí thải lò hơi. Chủ dự án đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải đồng bộ với việc lắp đặt lò hơi.

* Công nghệ xử lý của hệ thống như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi

* Thuyết minh quy trình: Khí thải từ lò hơi qua bộ hâm nước để tận dụng nhiệt trong khói lò (nước sau gia nhiệt được cấp vào lò hơi để tận dụng nhiệt, giảm chi phí đốt nhiên liệu).

Dòng khí sau qua bộ hâm nước đến bộ sấy khí để tận thu nhiệt và giảm nhiệt độ của dòng khí thải. Tại đây, quạt cấp khí, dòng khí được gia nhiệt được dẫn vào buồng đốt. Do khí nóng nên giảm lượng nhiên liệu cần đốt.

Sau khi dòng khí được hạ nhiệt, dòng khí được dẫn vào bể đập bụi. Dòng khí đi vào bể đập bụi sẽ loại bỏ hoàn toàn bụi, khí sạch bụi sẽ theo đường ống vào 01 ống thoát khí thải và xả ra môi trường. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kv = 0,8, Kp = 1) trước khi xả ra ngoài môi trường.

Tại bể đập bụi, cặn được thu gom định kỳ và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom đưa đi xử lý, hàng ngày bổ sung thêm nước để tái sử dụng. Định kỳ 02 tuần, chủ

dự án thay thế lượng nước dập bụi. Nước thải đưa về Bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

* Tuỳ theo tình hình sử dụng lò hơi, công nhân thực hiện xả đáy lò hơi (xả cặn) chu kỳ 01 ngày hoặc 02, 03 ngày một lần tuỳ theo thời điểm. Lượng nước xả cặn 0,5 m³/lần xả/ngày xả. Định kỳ 01 lần/năm dự án thực hiện vệ sinh lò hơi. Lượng nước cấp cho vệ sinh lò hơi là 1m³/lần vệ sinh.

* Toàn bộ lượng nước xả cặn hoặc nước vệ sinh lò hơi theo đường ống thu gom dẫn về bể điều tiết nước thải sản xuất của dự án.

❖ **Thông số kỹ thuật của hệ thống**

Thông số kỹ thuật các hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi như sau:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi

Thiết bị	Thông số kỹ thuật
Bộ hâm nước	- Số lượng: 01 bộ
Bộ sấy khí	- Số lượng: 01 bộ - Quạt cấp khí: 01 cái
Hệ thống đường ống thu gom và dẫn khí	- Kích thước đường ống: 800x600 (mm) - Tổng chiều dài đường ống: 15 m.
Quạt hút ly tâm	- Số lượng: 01 cái; - Lưu lượng: 16.000 – 20.000 m ³ /giờ - Động cơ: 30 kW - Điện áp: 380 v/ 50 Hz
Bể dập bụi	- Bể: Có kích thước (Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao): 4.300x2.250x2.400 (mm); Vật liệu: Bê tông
Ống thoát khí	- Số lượng: 01chiếc; - Kích thước: D850 x H 15m
Tủ điều khiển	- Điều khiển động cơ quạt 30 kw - Điều khiển van

* **Hiệu quả xử lý:** Với việc lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh do đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi đảm bảo việc thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường.

Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm đầu ra của hệ thống thể hiện qua bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với K _p = 1; K _v = 0,8)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
2	Cacbon mono oxit (CO)	mg/Nm ³	800
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	400
4	Nito oxit (NOx)	mg/Nm ³	640
5	Lưu lượng	-	-

*** Vị trí, phương thức xả khí thải:**

- Vị trí xả khí thải theo bảng sau:

TT	Dòng thải	Hệ thống xử lý tương ứng	Vị trí xả thải	Toạ độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°	
				X (m)	Y (m)
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi	Miệng ống thoát khí, thuộc phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên	2314422	560103

- Phương thức xả khí thải: cưỡng bức

- Chế độ xả khí thải: gián đoạn theo hoạt động của lò hơi

- Nguồn tiếp nhận bụi, khí thải của dự án: Môi trường không khí khu vực phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

* **Phương thức xả thải:** Cưỡng bức

* **Chế độ xả thải:** gián đoạn theo hoạt động của lò



Hình ảnh khu vực lò hơi

3.2.3. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a. Biện pháp trồng cây xanh: Để giảm thiểu tác động do phương tiện giao thông, tạo cảnh quan công ty đã bố trí diện tích đất để trồng cây xanh, cụ thể:

- Dự án bố trí diện tích trồng cây xanh là 634m² đạt 14% diện tích toàn khu đất; ngoài ra có bố trí cây cảnh khu văn phòng, hành lang văn phòng.

- Các khu vực bố trí cây xanh: Tiếp giáp hàng rào khu đất, xung quanh các nhà xưởng, các công trình: Công ty bố trí thảm cỏ, trồng bằng lăng, ...tạo bóng mát, ngăn

bụi từ hoạt động các phương tiện giao thông, các hoạt động khác xung quanh nhà máy. Khu vực giữa thảm cỏ và sân đường bố trí dải cây hoa tầm thấp tạo cảnh quan

b. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân, dự án đã thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng như:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thông thoáng, lưu thông khí tốt.
- Có các biện pháp hỗ trợ khác như: Lắp đặt quạt mát, hệ thống điều hòa, quạt gió công nghiệp tùy từng xưởng, khu vực sản xuất.
- Thường xuyên quét dọn sau mỗi ca sản xuất.

c. Biện pháp quản lý, vận hành, vệ sinh công nghiệp tại dự án: Để giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, chủ dự án đặt ra quy định trong sản xuất đảm bảo an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường như:

- Yêu cầu tổ vệ sinh thực hiện vệ sinh thường xuyên, chuyển giao chất thải đúng quy định; chất thải sinh hoạt vận chuyển trong ngày không lưu tại dự án.
- Yêu cầu công nhân thực hiện sản xuất theo đúng thao tác đã được đào tạo tại từng vị trí việc làm như: để rác thải đúng nơi quy định, thực hành các công đoạn sản xuất đúng kỹ thuật....
- Công nhân vận hành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện sớm các sự cố để có biện pháp phòng ngừa, ứng phó.

- Ngoài ra thực hiện trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động hơi hóa chất:

Để tăng cường môi trường làm việc cho công nhân, chủ dự án áp dụng các biện pháp:

- Thông thoáng nhà xưởng bằng thông gió tự nhiên (sử dụng các cửa hút gió trong khi thiết kế) và thông gió cưỡng bức (sử dụng các quạt công nghiệp vách tường hay các quạt công nghiệp tại các khu vực phát sinh mùi hôi) nên các điều kiện về vi khí hậu luôn được đảm bảo.

- Ngoài ra, dự án cũng luôn thực hiện tốt việc trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo, găng tay,....

* Đối với khu vực chứa hoá chất: Để giảm thiểu tác động của hơi hóa chất phát sinh đến cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Chủ dự án bố trí khu chứa hóa chất phía cuối nhà xưởng.

- Sử dụng hệ thống thông gió bằng việc lắp điều hòa không khí: cung cấp gió tươi đảm bảo.

- Lập nội quy bảo hộ lao động để cán bộ, công nhân làm việc luôn trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Công ty sẽ đầu tư đầy đủ trang thiết bị bảo hộ như quần áo, găng tay, khẩu trang hoạt tính hay mặt nạ phòng độc cho công nhân viên.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*** Nguồn phát sinh chất thải:**

- Nguồn số 01: Chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân như rác thải khu nhà ăn, bao bì đóng gói thực phẩm...

- Nguồn số 02: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án.

*** Chứng loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường phát sinh:** tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất như sau:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh (thức ăn thừa, rau, củ.....): 18 tấn/năm (lấy tiêu chuẩn 0,2kg/người/ngày).

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án:

Bảng 3. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bùn thải từ bể tự hoại, hồ gas lắng cặn nước mưa,	Kg/năm	5.000
2	Bao bì, giấy, phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	500
3	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm	Kg/năm	2.000
4	Sản phẩm lỗi	Kg/năm	5.000
5	Lõi cuộn chỉ, chỉ thừa	Kg/năm	300
6	Vải hỏng, vụn vải	Kg/năm	10.000
7	Tro, xỉ lò,	Kg/năm	16.000
8	Chất thải khác: pallet hỏng, ...	Kg/năm	300
9	Cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Kg/năm	1.000
	Tổng	Kg/năm	39.600

*** Biện pháp quản lý:** Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại các vị trí lưu giữ chất thông thường của dự án.

- Sản phẩm lỗi được chủ dự án lưu giữ trong khu vực xưởng sản xuất. Diện tích vị trí lưu giữ 20 m².

- Đối với tro xỉ lò: được lưu giữ tại khu vực lò hơi và lò gia nhiệt (gần với lưu giữ nguyên liệu). Diện tích vị trí lưu giữ 10 m².

- Các loại chất thải khác được lưu giữ trong khu vực lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

Toàn bộ lượng chất thải phát sinh của dự án đang được chủ dự án định kỳ thuê đơn vị có chức năng là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: 10 thùng (mỗi thùng dung tích chứa 20 lít) đặt tại khu văn phòng, hành lang văn phòng; 01 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 01 thùng dung tích 500 lít/thùng đặt tại khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

- Khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 2 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án. Khu lưu giữ chất thải có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: các thùng chứa tạm thời đặt tại các xưởng sản xuất; tại khu lưu giữ bố trí chia vạch, ngăn để xác định vị trí chứa từng loại chất thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Dự án bố trí các khu vực lưu giữ với các loại chất thải như sau:

+ Tro, xỉ lò: được lưu giữ tại khu vực có diện tích 10m², trong khu bố trí lò hơi

+ Các loại chất thải khác: lưu giữ tại khu vực có diện tích khoảng 10 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

Khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

* Nguồn phát sinh: là chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án như: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu; bao bì đựng hoá chất,....

* Khối lượng phát sinh: Khối lượng, thành phần chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của dự án theo thực tế hoạt động của dự án được chủ dự án thể hiện chi tiết như sau:

Bảng 3. 3. Danh mục, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	500	18 01 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	1.000	18 01 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	1.000	18 01 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/năm	50	16 01 06
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Kg/năm	50	08 02 01;
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg/năm	100	08 02 04
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	1.500	18 02 01
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg/năm	500	17 02 03
9	Pin, ác quy thải	Kg/năm	50	16 01 12
10	Cặn bể điều tiết nước thải sản xuất, cặn hồ ga thoát nước thải sản xuất	Kg/năm	2.000	12 01 03
	Tổng	Kg/năm	6.750	

*** Biện pháp quản lý:** Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án. Chủ dự án ký kết Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đưa các loại chất thải phát sinh của dự án đi xử lý theo đúng quy định.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị 06 thùng chứa rác chuyên dụng tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án, có dung tích mỗi thùng từ 200 lít-240l tùy loại..

- Khu vực lưu chứa: chủ dự án bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án có diện tích khoảng 10 m². Khu lưu chứa có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo ngang tầm nhìn của mọi người; các thiết bị lưu trữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo có

hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Tại khu lưu giữ, bố trí rãnh thu (kích thước 5cm x 10cm) và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ CTNH dạng lỏng, hố thu có kích thước $L \times B \times H = 0,5 \times 0,5 \times 0,5$ (m).

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh của dự án đang được chủ dự án định kỳ thuê Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ Khu 1, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các công đoạn trong quy trình sản xuất như hoạt động dệt cắt, hoạt động xử lý vải và mài, giặt, nhuộm vải,..., quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm, hoạt động phương tiện giao thông vận tải, hoạt động của lò hơi, hoạt động của khu xử lý nước thải, hoạt động của khu khai thác và xử lý nước ngầm....Các nguồn phát sinh này chỉ phát sinh cục bộ tại vị trí khu vực đặt máy móc, thiết bị...

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Giới hạn tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án được trình bày như sau:

Bảng 3. 4. Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn và độ rung

STT	Thông số ô nhiễm đặc trưng	QCVN 24:2016/ BYT (dBA)	QCVN 26:2010/ BTMT (dBA)	QCVN 27:2016/ BYT (m/s ²)	QCVN 27:2010/ BYT (m/s ²)	Biện pháp giảm thiểu
1	Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm	-	70	-	-	- Tất cả các xe vận tải phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động - Bố trí thời gian cho phương tiện ra vào dự án một cách hợp lý
2	Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị khu vực cắt, mài	85	-	-	-	- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn - Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cho công nhân viên

3	Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị khu vực giặt nhuộm.	85	-	-	-	-	- Lắp đặt cao su ở chân máy - Bố trí lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất một cách hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh
4	Tiếng ồn phát sinh từ quá trình đóng gói sản phẩm	85					
5	Tiếng ồn phát sinh từ quạt hút của các hệ thống xử lý bụi, khí thải		70				- Lắp đặt đệm chống rung cho quạt hút. - Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các quạt hút. - Trồng cây xanh xung quanh dự án để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến khu vực xung quanh dự án
6	Độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm	-	-	1,4	-	-	- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và môi trường. - Bố trí cho phương tiện vận chuyển ra vào dự án một cách hợp lý - Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án các sự cố có thể xảy ra như cháy nổ; rò rỉ dầu mỡ, hóa chất; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải; sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất...

Để phòng ngừa, ứng phó với các sự cố xảy ra đối với dự án thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

a. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

* *Biện pháp phòng ngừa:* Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ xảy ra từ

quá trình hoạt động của dự án thì chủ dự án:

- Đã trang bị và lắp đặt các bình chữa cháy cầm tay tại các vị trí theo đúng quy định; đầu tư lắp đặt hệ thống đường ống dẫn nước chữa cháy tại khu vực nhà xưởng sản xuất để kịp thời cung cấp nước khi có hỏa hoạn xảy ra; Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, trang bị phương tiện chữa cháy cầm tay, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; đầu tư các trang thiết bị khác phục vụ cho ứng phó khi có sự cố xảy ra, cụ thể:

+ Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường là tổng hợp các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng để dập tắt đám cháy khi hỏa hoạn xảy ra.

+ Hệ thống các bình chữa cháy xách tay gồm hai loại: Bình chữa cháy bằng khí CO₂ và bình bột chữa cháy.

➤ Bình chữa cháy bằng khí CO₂: CO₂ là loại khí không màu, không mùi, không dẫn điện, được nén trong bình với áp suất cao (120 at) do vậy CO₂ ở dạng tuyết thán khí có tác dụng làm lạnh chất cháy. Sử dụng khí CO₂ để chữa cháy đám cháy thiết bị điện có điện áp dưới 1000 V, chất rắn, xăng dầu...

➤ Bình bột chữa cháy: Bình bột chữa cháy. Bột chữa cháy là chất không độc và không dẫn điện, có hiệu quả chữa cháy cao nên được sử dụng rộng rãi để chữa cháy các đám cháy chất rắn, lỏng, khí, thiết bị điện có điện áp dưới 1000V, chất rắn, xăng dầu..

+ Các thiết bị phòng chống cháy nổ khác như: thang, thùng cát, câu liêm, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

+ Các máy móc thiết bị đều có lịch kiểm tra kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

+ Chủ dự án đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 88/TD-PCCC ngày 08 tháng 5 năm 2018.

- Trong quá trình quản lý và sử dụng hóa chất, nhiên liệu thì chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động gây cháy nổ như sau:

+ Đối với các loại hóa chất sử dụng sẽ được chủ dự án lưu giữ tại khu vực kho chứa riêng đảm bảo các theo đúng quy định về an toàn hóa chất và TCVN 5507:2002 về quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, không lưu giữ các chất dễ cháy nổ cạnh các chất duy trì sự cháy.

+ Trong quá trình sử dụng hóa chất, công nhân phải được tập huấn về việc sử dụng vận chuyển an toàn hóa chất; đồng thời trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân thực hiện.

- Các biện pháp khác được áp dụng như sau:

+ Hướng dẫn thực hành thao tác xử lý tình huống theo đúng quy tắc an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ Các mạng lưới điện cũng được nối với các bộ ngắt tự động và được kiểm soát bằng một hệ thống tự động. Bên cạnh đó các thiết bị báo cháy và chống cháy sẽ được lắp đặt tại các khu vực của Dự án.

+ Các máy móc dùng điện được nối đất chống điện rò, chống tích điện từ. Nhà xưởng, máy móc, công trình xây dựng được thiết kế chống sét đánh thẳng, chống sét lan truyền sang đường dây cảm ứng.

* Biện pháp ứng phó: Khi có sự cố xảy ra, Ban lãnh đạo và đội PCCC của công ty lập tức thực hiện các nhiệm vụ:

- Sơ tán toàn bộ người lao động ra khỏi khu vực nguy hiểm.
- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng các trang bị PCCC của Công ty để xử lý sự cố kịp thời.

- Đồng thời thông báo tới cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

- Khắc phục các sự cố sau khi đã xử lý.

b. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai

Chống sét: Lắp đặt các cột thu sét được kết nối với đường cáp đồng thoát sét đảm bảo khả năng dẫn sét nhanh chóng, an toàn cho công trình.

Chống ngập lụt: Nhà xưởng, nhà kho được xây dựng cao ráo đảm bảo không bị nước mưa tràn vào khi có sự cố mưa bão xảy ra.

c. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn an toàn lao động: Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như quần áo, giày dép, khẩu trang, mũ, găng tay... cho cán bộ công nhân viên tham gia vào quá trình sản xuất.

- Tại các khu vực sản xuất sẽ được dán các loại biển báo, nội quy an toàn lao động để cán bộ công nhân viên biết và tuân thủ theo đúng nội quy.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, giảm bớt áp lực cho cán bộ công nhân viên.

- Hàng năm, Công ty mở các lớp tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên tham gia vào quá trình sản xuất của Công ty, đặc biệt là công nhân vận hành các hệ thống xử lý nước thải, bụi, khí thải, công nhân kho nguyên liệu, hoá chất.

- Khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra thì chủ dự án sẽ lập tức sơ cứu người lao động, sau đó nhanh chóng đưa người lao động đến trạm y tế gần nhất.

- Hàng năm tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty để kiểm tra tình trạng sức khỏe của cán bộ công nhân viên có đáp ứng được yêu cầu của Công việc đặt ra hay không.

e. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ dầu mỡ, hóa chất: Dự án có sử dụng lượng hóa chất khá lớn trong quá trình hoạt động. Quá trình lưu trữ nguyên vật liệu, dầu mỡ, hóa chất và sử dụng có thể xảy ra các sự cố rò rỉ gây ô nhiễm môi trường và sự cố cháy nổ.

* Để phòng ngừa sự cố có thể xảy ra, công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực nhập hàng hóa chất: công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng. Ở khâu này sẽ kiểm soát và tách riêng các bao bì bị đổ vỡ và rách trong quá trình nhận hàng và vận chuyển.

- Quá trình vận chuyển hàng hoá: Nhân viên được huấn luyện thường xuyên về vận hành xe nâng để đảm bảo không xảy ra đổ bể hàng hóa trong quá trình vận hành, thường xuyên kiểm tra thiết bị nâng chuyển để đảm bảo an toàn trước khi tiến hành xếp dỡ các kiện hàng.

- Khu chứa hóa chất: Ưu tiên sử dụng Pallet chắc chắn hoặc tủ đựng các hóa chất để tránh lấn đổ, xê dịch. Các lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2m. Các thùng hàng luôn được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo nắp thùng luôn ở tình trạng đóng kín.

- Khu vực sản xuất: Công nhân được huấn luyện kỹ thuật các thao tác sản xuất để đảm bảo không để rơi vãi nguyên liệu hóa chất ra ngoài môi trường.

* Khi có sự cố tràn đổ hóa chất cho sản xuất trong nhà máy, công ty sẽ thực hiện các biện pháp để khắc phục như sau:

1. Di tản mọi người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực đổ tràn hóa chất
2. Sử dụng đồ bảo hộ phù hợp: Áo dài, Bao giày, Găng tay, khẩu trang.
3. Vứt bỏ những mảnh kính và những mảnh vụn khác (nếu có) bằng cách dùng miếng lót thấm. Để trong một thùng thích hợp dành cho vật bén nhọn.
4. Thấm dịch tràn đổ bằng vải thấm và chứa trong túi bịt kín.
5. Chứa tất cả những vật liệu bị vấy nhiễm hóa chất trong túi bịt kín.
6. Tất cả túi bịt kín và vật liệu bị nhiễm chứa trong thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại và vận chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại.

* *Nguồn lực, trang thiết bị ứng phó với sự cố có thể xảy ra:* Nguồn lực để tiến hành phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án là toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, Công ty lập và phân công nhiệm vụ cho một đội ngũ công nhân viên chuyên thực hiện việc phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra. Đồng thời công ty cũng đã trang bị các thiết bị phòng ngừa và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra như: Lắp đặt hệ thống cứu hỏa, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên, trang bị các thiết bị sơ cấp cứu...

g. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố xảy ra đối với hệ thống thì chủ dự án áp dụng các biện pháp: Bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống thường xuyên, kịp thời theo dõi, phát hiện ra sự cố xảy ra đối với hệ thống. Cho cán bộ công nhân viên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thường xuyên để đảm bảo tính ổn định và hiệu quả xử lý của hệ thống.

Trường hợp khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống thì cán bộ phụ trách theo dõi, vận hành hệ thống báo cáo ngay cho lãnh đạo công ty biết để khắc phục ngay sự cố xảy ra đối với hệ thống.

Trong trường hợp sự cố không được khắc phục ngay thì chủ dự án sẽ cho dừng hoạt động sản xuất có liên quan và dừng hoạt động của lò hơi, lò gia nhiệt để không làm phát sinh thêm khí thải vào môi trường. Khi sự cố của hệ thống được khắc phục xong thì chủ dự án mới cho vận hành lại công đoạn sản xuất bình thường.

h. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối

- Khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối thì chủ dự án sẽ đồng hành cùng KCN trong vấn đề xử lý nước thải bằng cách hạn chế lượng nước thải phát sinh của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Khi xảy ra sự cố, đơn vị hạ tầng KCN sẽ thông báo thông tin và cấp độ sự cố cho Công ty qua các phương tiện thông tin như: điện thoại, gửi công văn, gửi mail, fax,...Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Dừng xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để giảm thiểu lưu lượng nước thải đổ về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Lưu chứa nước thải phát sinh trong hệ thống của dự án để chủ đầu tư hạ tầng KCN khắc phục sự cố. Trường hợp, sự cố hệ thống xử lý nước thải của KCN không thể khắc phục trong vòng 02 ngày, thì chủ dự án sẽ dừng hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải sản xuất, chỉ để bộ phận văn phòng hoạt động.

+ Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chủ đầu tư hạ tầng KCN, của cơ quan chức năng khi có các sự cố xảy ra.

+ Khi chủ đầu tư hạ tầng KCN thông báo đã khắc phục xong sự cố, cho phép các công ty trong KCN thoát nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN, khi đó công ty sẽ mới thực hiện thoát nước thải sau khi đã xử lý đảm bảo tiêu chuẩn của KCN vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN; đồng thời cho các công đoạn sản xuất của dự án hoạt động bình thường trở lại.

k. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố mất trật tự an ninh xã hội:

Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động của sự cố mất an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án thì chủ dự án xây dựng các nội quy, quy chế làm việc tại dự án như:

- Mở các lớp tuyên truyền, giáo dục ý thức cho cán bộ công nhân viên nhằm hạn chế mâu thuẫn xảy ra. Khi phát hiện ra các mâu thuẫn xảy ra, chủ dự án sẽ nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành hòa giải giữa các bên.

- Ngoài ra chủ dự án cũng tiến hành phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương quản lý cán bộ công nhân viên của dự án để tránh các tệ nạn xã hội có thể xảy ra.

3.7. Các nội dung thay đổi so với nội dung đề án bảo vệ môi trường của dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt. Các nội dung thay đổi cụ thể như sau:

Bảng 3. 5: Bảng các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Đánh giá về các nội dung thay đổi
1	Mục tiêu cho thuê nhà xưởng	Đơn vị thuê xưởng có thể phát sinh nước thải sản xuất tuy nhiên là nước thải công đoạn giặt nhẹ, lưu lượng xả tối đa 300 m3/ngày. Không cho thuê với đơn vị phát sinh nước thải giặt mài, nhuộm áp suất cao	Chỉ cho đơn vị không phát sinh nước thải sản xuất thuê nhà xưởng	Việc chỉ cho đơn vị thuê nhà xưởng khi không phát sinh nước thải sản xuất theo định hướng sản xuất của dự án, đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động của dự án khi lượng nước thải sản xuất tăng. Đồng thời đảm bảo hiệu quả lưu chứa, giảm nhiệt, lắng cặn của bể điều tiết dự án đã xây dựng.
2	Công đoạn mài	Sử dụng máy mài tự động, lắp đặt đồng bộ hệ thống thu hồi bụi phát sinh.	Dự án sử dụng thiết bị mài thủ công (công nhân sử dụng dụng cụ mài bằng tay chà lên vị trí cần mài); tỷ lệ mài rất ít; công đoạn mài gián đoạn, không thường xuyên do đó chủ dự án chỉ áp dụng biện pháp bố trí khu vực mài riêng và trang bị bảo hộ cho công nhân thực hiện mài.	Sự thay đổi của dự án đảm bảo phù hợp với hoạt động sản xuất thực tế (sản phẩm quần áo chỉ mài một số vị trí nên việc công nhân mài tay là phù hợp; tỷ lệ quần áo qua mài ít). Do thực hiện mài thủ công nên không lắp đặt hệ thống thu gom theo như nội dung báo cáo ĐTM được duyệt. Bụi phát sinh ngay tại vị trí công nhân thực hiện mài, chủ dự án áp dụng biện pháp bố trí khu mài riêng và trang bị bảo hộ cho công nhân là phù hợp. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi tại khu vực mài thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Do đó chủ dự án áp dụng biện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án "Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam"

Chủ dự án: Công ty TNHH xuất nhập khẩu TOP Việt Nam

				pháp bố trí khu mài riêng và trang bị bảo hộ cho công nhân.
3	Thu gom, xử lý khí thải lò hơi	Khí thải lò hơi → Quạt hút → Cyclon → tháp dập bụi → Môi trường	Bụi và Khí thải lò hơi → Bộ hâm nước → Bộ sấy khí → Quạt hút → bể dập bụi → ống khói	Lò hơi của dự án công suất nhỏ, nhiên liệu đốt là củi gỗ tự nhiên do đó chủ dự án chú trọng việc xử lý bụi. Dự án bố trí bể dập bụi đảm bảo xử lý triệt để bụi phát sinh.
4	Hơi thuốc tím công đoạn phun thuốc tím	Lắp đặt hệ thống xử lý mùi, khí thải với quy trình: mùi, hơi hoá chất → chụp hút → Quạt hút → đường ống → bể nước → tháp hấp phụ → Môi trường	- Không lắp đặt hệ thống thu gom xử lý mùi, khí thải. - Lắp đặt hệ thống thu gom hơi thuốc tím, thuốc tím dư: hơi thuốc tím, thuốc tím dư → màng nước → quạt hút → môi trường nhà xưởng (thuốc tím dư theo màng nước vào đường ống thu gom → Bể điều tiết của dự án.)	Lượng quần áo qua công đoạn phun thuốc tím ít, chỉ phun một vài vị trí trên quần áo, không phun toàn bộ quần áo nên lượng thuốc tím sử dụng rất ít. Công đoạn phun không thường xuyên, liên tục. Khi phun công nhân đứng sát màng nước và phun hướng vào màng nước, thuốc tím dư không bám dính vào quần áo được thu gom theo màng nước đến bể điều tiết của dự án. Do đó hơi thuốc tím phát sinh trong khu vực phun không đáng kể. Việc sử dụng màng nước thu gom thuốc tím dư là phù hợp, đạt hiệu quả do đó không cần thiết phải lắp đặt hệ thống thu gom xử lý như đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Căn cứ kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm cho thấy nồng độ bụi chất ô nhiễm tại khu phun thuốc tím thấp hơn quy chuẩn, đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Chủ dự án áp dụng biện pháp bố trí khu phun riêng; thông thoáng nhà xưởng và trang bị bảo hộ cho công nhân thực hiện phun.
5	Mùi từ bể điều tiết nước thải	Lắp đặt hệ thống xử lý mùi, khí thải với quy trình: mùi, khí thải → chụp hút trên nắp bể → Quạt hút → thiết bị hấp phụ	Không lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi	Bể điều tiết của dự án có dung tích chứa an toàn là 500 m ³ . Bể được xây nửa ngầm, Trên miệng bể đã đổ bê tông kiên cố và xây dựng nhà ăn trên khu vực

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án "Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam"

Chủ dự án: Công ty TNHH xuất nhập khẩu TOP Việt Nam

	sản xuất	bằng màng lọc than hoạt tính→ Môi trường		miệng bể. Nước thải của dự án nhiệt độ không quá cao, trung hoà các dòng nước dao động trong khoảng 40-42 oC, do đó phát sinh mùi không đáng kể. Do dự án đổ betong kín miệng bể để xây dựng công trình nhà ăn do đó việc xây dựng hệ thống thu gom, xử lý mùi như báo cáo là không hợp lý.
	Khu lưu giữ chất thải	Bố trí 02 khu lưu giữ chất thải trong đó khu lưu giữ chất thải thông thường có diện tích 30 m2; khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 30 m2.	Bố trí 01 khu lưu giữ chất thải tập trung có diện tích khoảng 20 m2; trong đó có ngăn lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m2. Ngoài ra bố trí lưu giữ xỉ lò tại khu lò hơi.	Việc bố trí khu lưu giữ đảm bảo phù hợp với việc bố trí sản xuất và các hạng mục công trình của dự án. Chủ dự án tăng tần suất thu gom chất thải để đảm bảo an toàn và vệ sinh khu lưu giữ chất thải.
6	Chương trình giám sát môi trường định kỳ	- Giám sát môi trường lao động - Giám sát môi trường nước - Giám sát khí thải	- Đề xuất: Bộ giám sát môi trường lao động (thực hiện theo quy định của luật lao động); Bộ giám sát nước mặt; Bộ giám sát nước thải; - Bộ giám sát khí thải	Việc giám sát được điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành

** Dự án có sự thay đổi một số các nội dung so với Đề án bảo vệ môi trường để đảm bảo phù hợp với chiến lược sản xuất của dự án. Chủ dự án đã rà soát và điều chỉnh, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo thu gom, xử lý triệt để chất thải phát sinh; không gây tác động xấu tới môi trường.*

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

*** Nguồn phát sinh nước thải:**

- *Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:*

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà Văn phòng.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn (rửa tay chân)

- *Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:*

- + Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất.
- + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy lò hơi, vệ sinh lò hơi
- + Nguồn số 06: Nước thải phát sinh hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- + Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khu vực phun thuốc tím

*** Tổng lưu lượng xả nước thải tối đa: 513,25 m³/ngày đêm. Trong đó:**

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: 26,25m³/ngày đêm (bao gồm cả nước thải của dự án và nước thải từ các đơn vị thuê nhà xưởng)

- Lưu lượng xả nước thải sản xuất tối đa: 487m³/ngày đêm

* Dòng nước thải: đề nghị cấp phép 01 dòng nước công nghiệp (sinh hoạt và sản xuất) sau xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối, qua 01 điểm đầu nối.

* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được phép đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4. 1: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải và giới hạn nồng độ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào KCN dệt may Phố Nối
1	pH	-	5 - 9
2	Nhiệt độ	mg/l	40
3	Độ màu	mg/l	750
4	BOD ₅	mg/l	250
5	COD	mg/l	800
6	TSS	mg/l	300
7	Tổng N	mg/l	60

8	Sunfua	mg/l	1
9	Clo dư	mg/l	0,81
10	Clo rua	mg/l	400
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4
12	Xyanua	mg/l	0,1
13	Coliform	MNP/100ml	6.000

* Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải (sinh hoạt, sản xuất) của dự án sau khi xử lý sơ bộ đảm bảo tiêu chuẩn của KCN, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối qua 01 điểm đầu nối.

- Vị trí điểm đầu nối nước thải của dự án: gần khu vực khu vực nương đá phía Bắc khu đất thực hiện dự án

- Vị trí tọa độ điểm đầu nối theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0 như sau: : X(m): 2314313; Y(m): 560066

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả thải: theo hoạt động sản xuất của dự án.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

* Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải, bụi phát sinh từ lò hơi.

* Lưu lượng xả khí thải tối đa: $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$

* Dòng khí thải: Dự án có 01 dòng khí thải đề nghị xin cấp phép là dòng khí thải sau xử lý của Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi; lưu lượng xả khí thải tối đa $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$

* Các chất ô nhiễm đặc trưng và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm được xả thải vào môi trường của dòng khí thải thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4. 2: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm xả thải vào môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với $K_p = 1$; $K_v = 0,8$)
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160
2	Cacbon mono oxit (CO)	mg/Nm^3	800
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm^3	400

4	Nito oxit (NOx)	mg/Nm ³	640
5	Lưu lượng	-	-

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp thải vào môi trường không khí, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; lưu lượng trong khoảng $P < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ do đó $K_p = 1$;

+ K_v là hệ số vùng, khu vực; Công ty nằm trên địa bàn phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào. Do đó, $K_v = 0,8$.

*** Vị trí, phương thức xả khí thải:**

- Phương thức xả khí thải: cưỡng bức
- Chế độ xả khí thải: gián đoạn theo chế độ làm việc của lò hơi, lò dầu gia nhiệt
- Nguồn tiếp nhận bụi, khí thải của dự án: Môi trường không khí khu vực phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- Vị trí xả khí thải theo bảng sau:

TT	Dòng thải	Hệ thống xử lý tương ứng	Vị trí xả thải	Toạ độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°	
				X (m)	Y (m)
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi	Miệng ống thoát khí, thuộc phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	2314422	560103

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi.

* Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

Tên nguồn	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	2314422	560103

* Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Trong quá trình hoạt động của dự án, tiếng ồn, độ rung phát sinh bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và:

- Tiếng ồn: nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực thông thường
- Độ rung: nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đối với khu vực thông thường

Bảng 4. 3: Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4. 4: Bảng giá trị giới hạn cho phép của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của dự án được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý. Do đó, Dự án không có đề nghị cấp giấy phép dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Dự án không sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Như vậy, dự án không có đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

4.6. Nội dung về quản lý chất thải:

*** Nguồn phát sinh chất thải:**

- Nguồn số 01: Chất thải sinh hoạt
- Nguồn số 02: Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn số 04: Chất thải nguy hại

* **Chủng loại và khối lượng chất thải rắn dự kiến phát sinh:** tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại dự kiến như sau:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh (thức ăn thừa, rau, củ.....): 18 tấn/năm

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án:

TT	Thành phần	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bùn thải từ bể tự hoại, hố gas lắng cặn nước mưa,	Kg/năm	5.000
2	Bao bì, giấy, phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	500
3	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm	Kg/năm	2.000
4	Sản phẩm lỗi	Kg/năm	5.000
5	Lõi cuộn chỉ, chỉ thừa	Kg/năm	300
6	Vải hỏng, vụn vải	Kg/năm	10.000
7	Tro, xỉ lò,	Kg/năm	16.000
8	Chất thải khác: pallet hỏng, ...	Kg/năm	300
9	Cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Kg/năm	1.000
	Tổng	Kg/năm	39.600

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	500	18 01 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	1.000	18 01 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	1.000	18 01 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/năm	50	16 01 06
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Kg/năm	50	08 02 01;
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg/năm	100	08 02 04

7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	1.500	18 02 01
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg/năm	500	17 02 03
9	Pin, ác quy thải	Kg/năm	50	16 01 12
10	Cặn bể điều tiết nước thải sản xuất, cặn hố ga thoát nước thải sản xuất	Kg/năm	2.000	12 01 03
	Tổng	Kg/năm	6.750	

*** Biện pháp quản lý:**

- Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất thải sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ thải tương ứng của dự án. Tại dự án bố trí 01 khu lưu giữ chất thải thông thường, 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại.

- Đối với tro xỉ lò: được lưu giữ tại khu vực lò hơi

- Đối với cặn hệ thống xử lý khí thải lò hơi: đơn vị chức năng đèn hút trực tiếp đưa đi xử lý không lưu giữ tại dự án.

- Toàn bộ chất thải phát sinh tại dự án được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo đúng quy định.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: 10 thùng (mỗi thùng dung tích chứa 20 lít) đặt tại khu văn phòng, hành lang văn phòng; 01 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 01 thùng dung tích 500 lít/thùng đặt tại khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

- Khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 2 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án. Khu lưu giữ chất thải có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: các thùng chứa tạm thời đặt tại các xưởng sản xuất; tại khu lưu giữ bố trí chia vạch, ngăn để xác định vị trí chứa từng loại chất thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Dự án bố trí các khu vực lưu giữ với các loại chất thải như sau:

+ Tro, xỉ lò: được lưu giữ tại khu vực có diện tích 10m², trong khu bố trí lò hơi
+ Các loại chất thải khác: lưu giữ tại khu vực có diện tích khoảng 10 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

Khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị 06 thùng chứa rác chuyên dụng tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án, có dung tích mỗi thùng từ 200 lít-240l tùy loại..

- Khu vực lưu chứa: chủ dự án bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án có diện tích khoảng 10 m². Khu lưu chứa có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo ngang tầm nhìn của mọi người; các thiết bị lưu trữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo có hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Tại khu lưu giữ, bố trí rãnh thu (kích thước 5cm x 10cm) và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ CTNH dạng lỏng, hố thu có kích thước LxBxH = 0,5 x 0,5 x 0,5 (m).

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2018; Chủ dự án đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án và đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 2143/QĐ-BQL ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Thực hiện yêu cầu của cơ quan chức năng và quy chế của KCN, Chủ dự án đã thực hiện đầu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN theo đúng quy định.

Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, thực hiện lập báo cáo định kỳ theo quy định và yêu cầu của cơ quan chức năng.

Trong quá trình hoạt động, công ty từng bước cải thiện các vấn đề về bảo vệ môi trường, đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, khí thải, đảm bảo yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

* Thông tin về nước thải của dự án:

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh năm 2023: 120.000 m³/năm. Trong đó: nước thải sản xuất phát sinh 117.000 m³/năm; nước thải sinh hoạt phát sinh 3.000 m³/năm.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh năm 2024: 140.000 m³/năm. Trong đó: nước thải sản xuất phát sinh 136.850 m³/năm; nước thải sinh hoạt phát sinh 3.150 m³/năm.

- Tại dự án không phát sinh nước trao đổi nhiệt ra môi trường

* Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải năm 2023, 2024: trong năm 2023, 2024, Chủ dự án đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải, cụ thể:

- Vị trí quan trắc nước thải: quan trắc nước thải tại hố ga đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của KCN dệt may Phố Nối.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc định kỳ 03 tháng/lần

- Các thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, độ màu, BOD₅, COD, TSS, tổng N, Sunfua, dầu mỡ khoáng, clo dư, xyanua, tổng Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn của KCN dệt may Phố Nối

- Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Tiêu chuẩn của KCN Dệt may Phố Nối
			Tháng 3/2023	Tháng 6/2023	Tháng 9/2023	Tháng 12/2023	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2,2	2,12	2,14	2,07	-
2	pH*	-	7,53	8,4	7,72	8,58	5-9
3	Nhiệt độ	°C	29,7	32,8	40,2	37,2	40°C
4	Độ màu	Pt-Co	25,2	90,7	214	210	750
5	TSS	mg/L	95,2	350	375	156	66300
6	COD	mg/L	62,1	302	536	436	800
7	BOD ₅	mg/L	31,6	40,4	22,6	66	250
8	Tổng Nito	mg/L	3,47	<8,0 (LOQ=8)	9,89	12,1	60
9	Tổng xyanua	mg/L	<0,003	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,1
10	Sunfua	mg/L	0,075	0,86	0,218	<0,14 (LOQ=0,003)	1
11	Clo dư	mg/L	<0,2	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	0,64	0,81
12	Dầu mỡ khoáng	mg/L	<0,3	<8,1 (LOQ=1)	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	4
13	Tổng coliform	MPN/100mL	2.400	470	330	790	6.000

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Tiêu chuẩn của KCN Dệt may Phố Nối
			Tháng 3/2024	Tháng 6/2024	Tháng 9/2024	Tháng 12/2024	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2,2	2,12	2,14	2,07	-
2	pH*	-	7,53	8,4	7,72	8,58	5-9
3	Nhiệt độ	°C	29,7	32,8	40,2	37,2	40°C
4	Độ màu	Pt-Co	25,2	90,7	214	210	750
5	TSS	mg/L	95,2	350	375	156	66300
6	COD	mg/L	62,1	302	536	436	800
7	BOD ₅	mg/L	31,6	40,4	22,6	66	250
8	Tổng Nito	mg/L	3,47	<8,0 (LOQ=8)	9,89	12,1	60
9	Tổng xyanua	mg/L	<0,003	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,1
10	Sunfua	mg/L	0,075	0,86	0,218	<0,14 (LOQ=0,003)	1

11	Clo dư	mg/L	<0,2	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	0,64	0,81
12	Dầu mỡ khoáng	mg/L	<0,3	<8,1 (LOQ=1)	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	4
13	Tổng coliform	MPN/100mL	2.400	470	330	790	6.000

Nhận xét: Qua kết quả tại các bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu ô nhiễm đảm bảo tiêu chuẩn đầu nổi của KCN.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

* Tại dự án trong năm 2023, 2024 trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án gồm 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi, Chủ dự án đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải; tần suất 04 lần/năm. Kết quả quan trắc tổng hợp như bảng sau:

Bảng 5. 3: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2023

T T	Thông số	Đơn vị	KT01-L1 (quý I)	KT02-L1 (quý 4)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	6270	không đủ điều kiện quan trắc	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	43,8		200
3	CO	mg/Nm ³	171	364	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	65,5	104	500
5	NO _x , NO ₂	mg/Nm ³	118,4	83	850

Bảng 5. 4: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2024

T T	Thông số	Đơn vị	tháng 3	tháng 6	tháng 8	tháng 12	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	-	-	-	-	200
3	CO	mg/Nm ³	603,3	2.178	787	410	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	1,22	124	5	<2,62	500
5	NO _x , NO ₂	mg/Nm ³	4,54	37	45	11,9	850

* Đánh giá: Qua kết quả quan trắc tại các bảng trên cho thấy, ngoại trừ chỉ tiêu CO vào tháng 6/2024 vượt quy chuẩn còn lại các chỉ tiêu ô nhiễm trong khí thải đảm bảo quy chuẩn theo quy định. Nguyên nhân lần vượt quy chuẩn là do, lò hơi gặp sự cố, nhiên liệu củi tươi, ẩm dẫn đến nồng độ CO vượt quy chuẩn, Chủ dự án đã khắc phục trong việc mua, sử dụng nhiên liệu, vận hành lò hơi.

Còn lại các đợt quan trắc cho thấy các thông số ô nhiễm đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Vậy, hệ thống xử lý khí thải của Công ty đang vận hành hiệu quả.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Tình hình phát sinh và chuyển giao, xử lý chất thải của dự án năm 2023, 2024 như sau:

Bảng 5. 5. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2023

TT	Loại chất thải	Lượng phát sinh (kg/năm)	Biện pháp xử lý
1	Chất thải thông thường (bao gồm cả chất thải sinh hoạt)	5.020	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2	Chất thải nguy hại		
2.1	Bóng đèn huỳnh quang thải	5	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2.2	Giẻ lau dính dầu	124	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2.3	Dầu thải	50	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc

Bảng 5. 6. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2024

TT	Loại chất thải	Lượng phát sinh (kg/năm)	Biện pháp xử lý
1	Chất thải thông thường (bao gồm cả chất thải sinh hoạt)	2980	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2	Chất thải nguy hại		
2.1	Bóng đèn huỳnh quang thải	6	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2.2	Giẻ lau dính dầu	150	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc
2.3	Dầu thải	60	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc TOP Việt Nam đi vào hoạt động từ năm 2018 tại Khu Công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Trong 02 năm gần đây (năm 2023, năm 2024) quá trình hoạt động, cơ sở không có thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chủ dự án dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án với các thông tin được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 6. 1: Bảng tổng hợp thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành	Quy mô
1	Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi	Trong vòng 03 tháng kể từ khi được cấp GPMT	Công suất: 4.000 m ³ /giờ
			Công suất vận hành thử nghiệm: theo thực tế phát sinh

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm trên đây chỉ là thời gian dự kiến. Trường hợp thay đổi về thời gian, Chủ dự án sẽ thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm các công trình.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 8, điều 01, thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (nay được sửa đổi thay thế bởi cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Đối chiếu với quy định, dự án không thuộc cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (nay được sửa đổi thay thế bởi cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), do đó chủ dự án tự xác định Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải như sau:

- Vị trí lấy mẫu, thông số quan trắc và tiêu chuẩn so sánh tại từng vị trí quan trắc như sau:

TT	Ký hiệu đồng thải	Hệ thống	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi tổng, Cacbon oxit (CO), Lưu huỳnh dioxit (SO ₂), Nitơ oxit (NO ₂)	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 1; Kv= 0,8);

+ Tiêu chuẩn so sánh:

➤ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Trước khi dự án đi vào VHTN các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án sẽ gửi Thông báo tới cơ quan cấp Giấy phép môi trường cho dự án và cơ quan liên quan theo đúng quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: chủ dự án dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm như: Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất – Viện hóa học công nghiệp Việt Nam, Công ty TNHH EVITECH Việt Nam

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* **Đối với nước thải:** Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô công suất nhỏ theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh tại dự án là: 513,25 m³/ngày; toàn bộ lượng nước thải phát sinh thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn của KCN, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối. Do đó, theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Khoản 46, điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

* **Đối với bụi, khí thải:** Dự án đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; khí thải sau xử lý ra môi trường; tổng lưu lượng xả 4.000 m³/giờ. Đối chiếu

theo quy định tại điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

* **Quan trắc nước thải:** Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô công suất trung bình theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh tại dự án là: 513,25 m³/ngày; toàn bộ lượng nước thải phát sinh thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn của KCN, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối. Do đó, theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Khoản 46, điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

* **Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:** Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô công suất nhỏ theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP nên theo quy định dự án không phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường: Chủ dự án cam kết Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường sau khi được cơ quan chức năng cấp Giấy phép môi trường;

- Môi trường không khí: Đầu tư 01 hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải đảm bảo xử lý bụi và khí thải đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp=1; Kv=0,8) trước khi xả thải vào môi trường; chủ dự án cam kết hệ thống thu gom và xử lý bụi và khí thải vận hành hiệu quả, đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

- Nước thải: Toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn của KCN, sau đó thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối.

- Chất thải rắn: rác thải sinh hoạt, sản xuất và Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời tại dự án; định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án cam kết các nguyên liệu, hóa chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình hoạt động;

- Chấp hành đúng quy định chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;

- Trong quá trình hoạt động, nếu có bất cứ sự cố môi trường nào phát sinh do các hoạt động của dự án gây ra, có tác động xấu tới chất lượng môi trường trong khu vực dự án hay khu vực lân cận chủ dự án cam kết sẽ đền bù và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết, khắc phục, xử lý triệt để và toàn diện những nguồn, yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình BVMT của dự án theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và

Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên;

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;
- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO